

CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP NƯỚC NINH THUẬN  
**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
Số: 275/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
Khánh Hòa, ngày 25 tháng 5 năm 2026

## TỜ TRÌNH

Về việc: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, đã sửa đổi lần 7 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, thông qua ngày 27/4/2022;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 đã được Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Kiểm toán VACO kiểm toán;

Căn cứ Nghị quyết số 273/NQ-HĐQT ngày 25/5/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận về việc thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026,

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Báo cáo tài chính năm 2025 đã được Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Kiểm toán VACO kiểm toán.

(Đính kèm Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT, NPTQTCT.



**Phạm Hữu Sơn**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025



**MỤC LỤC**

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 29

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Phạm Hữu Sơn	Chủ tịch
Ông Đinh Ân	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Quyền	Thành viên
Ông Phan Thành Phong	Thành viên
Ông Hồ Huy Vũ	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Quốc Quyền	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 03 tháng 3 năm 2026)
Ông Đinh Ân	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 03 tháng 3 năm 2026)
Ông Đặng Văn Đù	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2025)
Ông Đinh Việt Sơn	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 15 tháng 11 năm 2025)
Bà Nguyễn Thu Hòa	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2025)

**Ban kiểm soát**

Bà Bá Bạch Thủy Tiên	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Đinh Lê Ngọc Trâm	Thành viên
Ông Phạm Nguyên Thắng	Thành viên

**Người đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Từ ngày</u>	<u>Đến ngày</u>
Ông Đinh Ân	Giám đốc	Ngày 01 tháng 01 năm 2025	Ngày 03 tháng 3 năm 2026
Ông Nguyễn Quốc Quyền	Giám đốc	Ngày 03 tháng 3 năm 2026	

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các Chính sách Kế toán thích hợp và áp dụng các Chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Quốc Quyền  
Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 3 năm 2026

Số: 046/VACO/BCKT.HCM

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 24 tháng 3 năm 2026 từ trang 04 đến trang 29 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (gọi chung là "Báo cáo tài chính").

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các Chính sách Kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Ngọc Thạch  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1822-2023-156-1  
Thay mặt và đại diện cho  
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh  
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Thị Thu Hiền  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 4262-2023-156-1

12/21/2025 10:10 AM

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>148.884.744.358</b>	<b>271.795.280.805</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>11.534.263.140</b>	<b>71.100.355.958</b>
1. Tiền	111		11.534.263.140	15.600.355.958
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	55.500.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>95.121.000.000</b>	<b>169.821.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	95.121.000.000	169.821.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>32.339.650.728</b>	<b>22.149.093.404</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	17.343.857.579	6.932.818.854
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		82.486.254	39.858.894
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	15.704.853.776	16.146.338.531
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(791.546.881)	(969.922.875)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>6.021.796.187</b>	<b>5.860.533.398</b>
1. Hàng tồn kho	141		6.021.796.187	5.860.533.398
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.868.034.303</b>	<b>2.864.298.045</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	709.412.497	305.414.867
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	3.158.621.806	2.558.883.178
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>422.803.965.738</b>	<b>113.539.244.922</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>390.075.572.936</b>	<b>83.523.775.317</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	390.003.237.904	83.400.620.285
- Nguyên giá	222		823.301.327.050	483.010.098.325
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(433.298.089.146)	(399.609.478.040)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	72.335.032	123.155.032
- Nguyên giá	228		2.984.578.363	2.984.578.363
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.912.243.331)	(2.861.423.331)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>28.548.990.483</b>	<b>25.530.976.161</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	28.548.990.483	25.530.976.161
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.179.402.319</b>	<b>4.484.493.444</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	4.179.402.319	4.484.493.444
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>571.688.710.096</b>	<b>385.334.525.727</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>288.049.707.545</b>	<b>100.976.528.301</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>62.683.486.778</b>	<b>48.880.526.907</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	8.413.185.818	5.485.967.514
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		111.228.112	30.380.834
3. Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	-	1.750.757.313
4. Phải trả người lao động	314		5.120.729.730	3.960.383.050
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	599.285.510	556.337.787
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	16.867.018.320	16.242.176.483
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	25.536.095.028	13.436.095.028
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.035.944.260	7.418.428.898
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>225.366.220.767</b>	<b>52.096.001.394</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		609.089	609.089
2. Phải trả dài hạn khác	337	17	17.311.469.150	18.505.154.749
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	208.054.142.528	33.590.237.556
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>283.639.002.551</b>	<b>284.357.997.426</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>283.639.002.551</b>	<b>284.357.997.426</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		94.908.414.916	94.908.414.916
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		94.908.414.916	94.908.414.916
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.965.140.000	1.965.140.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		121.574.312.723	98.047.060.546
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		65.191.134.912	89.437.381.964
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.159.453	14.873.208.041
- LNST chưa PP năm nay	421b		65.188.975.459	74.564.173.923
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>571.688.710.096</b>	<b>385.334.525.727</b>

Nguyễn Quốc Quyền  
Giám đốc  
Khánh Hòa, ngày 24 tháng 3 năm 2026

Lâm Đại Nam  
Phụ trách Kế toán

Lâm Đại Nam  
Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	221.363.160.079	213.748.260.773
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10	20	221.363.160.079	213.748.260.773
3. Giá vốn hàng bán	11	21	136.392.655.068	121.900.015.909
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		84.970.505.011	91.848.244.864
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	8.468.157.186	10.554.028.333
6. Chi phí tài chính	22	24	4.722.623.333	3.433.350.792
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.722.623.333	3.433.350.792
7. Chi phí bán hàng	25	25	4.484.415.931	5.050.541.065
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	10.797.871.072	7.478.749.693
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - (25 + 26))	30		73.433.751.861	86.439.631.647
10. Thu nhập khác	31	26	672.753.300	3.940.859.913
11. Chi phí khác	32	27	333.583.678	1.818.054.714
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		339.169.622	2.122.805.199
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		73.772.921.483	88.562.436.846
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	8.463.946.024	10.138.262.923
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		65.308.975.459	78.424.173.923
16. Lợi nhuận trên cổ phiếu	70	29	6.056	6.979



Nguyễn Quốc Quyền  
Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 3 năm 2026

  
Lâm Đại Nam  
Phụ trách Kế toán

  
Lâm Đại Nam  
Người lập biểu


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>73.772.921.483</b>	<b>88.562.436.846</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	33.757.806.826	22.646.064.668
- Các khoản dự phòng	03	(178.375.994)	(2.211.467.204)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(8.151.229.197)	(10.055.713.731)
- Chi phí lãi vay	06	4.722.623.333	3.433.350.792
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>103.923.746.451</b>	<b>102.374.671.371</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(10.746.167.888)	11.709.019.035
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.658.692.404)	(2.326.045.507)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	3.290.654.133	(6.893.967.217)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(98.906.505)	34.712.175
- Tiền lãi vay đã trả	14	(4.760.730.170)	(3.509.214.246)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(10.669.053.372)	(5.908.526.269)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(9.829.522.625)	(12.056.510.214)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>69.451.327.620</b>	<b>83.424.139.128</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(341.010.223.440)	(2.967.015.529)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(101.400.000.000)	(169.821.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	176.100.000.000	197.525.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.285.477.127	10.769.835.091
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(258.024.746.313)</b>	<b>35.506.819.562</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	423.608.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(237.044.095.028)	(14.290.159.125)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(57.556.579.097)	(44.632.792.700)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>129.007.325.875</b>	<b>(58.922.951.825)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(59.566.092.818)</b>	<b>60.008.006.847</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>71.100.355.958</b>	<b>11.092.349.111</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>11.534.263.140</b>	<b>71.100.355.958</b>



Nguyễn Quốc Quyền  
Giám đốc  
Khánh Hòa, ngày 24 tháng 3 năm 2026

  
Lâm Đại Nam  
Phụ trách Kế toán

  
Lâm Đại Nam  
Người lập biểu

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần từ Công ty Cấp nước Ninh Thuận theo Quyết định số 4088/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận (tên đơn vị hành chính trước ngày 01 tháng 7 năm 2025). Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4303000061 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận (tên đơn vị hành chính trước ngày 01 tháng 7 năm 2025) cấp ngày 16 tháng 9 năm 2008 và thay đổi lần thứ sáu theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4500289362 do Sở Tài Chính tỉnh Khánh Hòa (tên đơn vị hành chính sau ngày 01 tháng 7 năm 2025) cấp ngày 17 tháng 3 năm 2026.

Trụ sở chính của Công ty tại số 14 đường Tô Hiệu, phường Phan Rang, tỉnh Khánh Hòa.

Vốn điều lệ của Công ty là 94.908.414.916 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 274 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 268 người).

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

##### **Ngành nghề kinh doanh**

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Sản xuất và phân phối nước sạch cho sinh hoạt và sản xuất.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật mạng lưới cấp nước; Khảo sát địa hình xây dựng công trình; Thiết kế công trình cấp, thoát nước; Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình cấp nước.
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí. Chi tiết: Thi công lắp đặt đường ống cấp nước.
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng công trình cấp, thoát nước.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh vật tư phục vụ cho lắp đặt và sử dụng nước.

##### **Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và cung cấp nước sạch, khảo sát, thiết kế và lắp đặt các mạng lưới và đường ống cấp nước.

##### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

##### **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin**

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

### **2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Chế độ Kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

**Hướng dẫn Kế toán mới đã ban hành nhưng chưa được áp dụng**

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến Báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) *Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- b) *Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Hàng tồn kho (Tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 07
Tài sản cố định hữu hình khác	06 - 08

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Phần mềm máy tính	03
Tài sản cố định vô hình khác	03-25

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với Chính sách Kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm: giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa đường ống, chi phí lắp đặt, thay đồng hồ miễn phí và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành của Công ty.

**Nợ phải trả và chi phí phải trả**

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm tài chính đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 26 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính: thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường, giám định tư pháp (sau đây gọi chung là lĩnh vực xã hội hóa). Công ty đáp ứng các điều kiện hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa trong lĩnh vực cung cấp nước sạch, Vì vậy Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% cho hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa trong suốt thời gian hoạt động.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên có liên quan với Công ty bao gồm:

**Bên liên quan**

Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa (Trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 là Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Công ty Cổ phần - Tổng Công ty nước - Môi trường Bình Dương

Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Sơn Long Thuận

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc

**Mối quan hệ**

Cổ đông lớn – Cổ đông Nhà nước

Cổ đông lớn (Kể từ ngày 8 tháng 01 năm 2026)

Cổ đông lớn (Đến ngày 8 tháng 01 năm 2026)

Lãnh đạo chủ chốt

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	80.251.000	396.610.000
Tiền gửi ngân hàng	11.454.012.140	15.203.745.958
Các khoản tương đương tiền	-	55.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>11.534.263.140</u></b>	<b><u>71.100.355.958</u></b>

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN**

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 thể hiện số dư các khoản tiền gửi tiết kiệm tại các Ngân hàng thương mại có kỳ hạn từ 06 đến 24 tháng (và có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo) với lãi suất được hưởng từ 4,70% đến 5,80%/năm.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải	872.644.106	5.680.315.722
- Tiền nước	861.361.200	5.050.548.542
- Tiền lãi chậm thanh toán	11.282.906	629.767.180
Khách hàng dùng nước	16.299.065.363	1.058.188.222
Các đối tượng khác	172.148.110	194.314.910
<b>Cộng</b>	<b><u>17.343.857.579</u></b>	<b><u>6.932.818.854</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**7. NỢ XẤU**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tiền lãi chậm thanh toán - Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải	-	-	-	402.276.457	201.138.228	201.138.229
Các khách hàng doanh nghiệp	95.317.561	-	95.317.561	95.317.561	-	95.317.561
Khách hàng dùng nước khác	820.317.144	124.087.823	696.229.320	764.417.016	90.949.931	673.467.085
<b>Cộng</b>	<b>915.634.705</b>	<b>124.087.823</b>	<b>791.546.881</b>	<b>1.262.011.034</b>	<b>292.088.159</b>	<b>969.922.875</b>

Biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tại ngày đầu năm	969.922.875	3.181.390.079
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(178.375.994)	(2.211.467.204)
Tại ngày cuối năm	<b>791.546.881</b>	<b>969.922.875</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
Ban QLDA cấp thoát nước đô thị ADB4 Ninh Thuận (i)	13.028.161.367		13.028.161.367	
Thuế GTGT chưa được khấu trừ	115.833.598		105.491.849	
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	2.510.493.800		2.644.741.730	
Phải thu khác	50.365.011		367.943.585	
<b>Cộng</b>	<b>15.704.853.776</b>		<b>16.146.338.531</b>	

Ghi chú:

- (i) Đây là phần tiền đối ứng của Công ty chuyển cho Ban QLDA cấp thoát nước đô thị ADB4 Ninh Thuận để thực hiện công trình Hệ thống cấp nước Cà Ná. Hiện nay, hồ sơ quyết toán dự án này đang được Ban QLDA cấp thoát nước đô thị ADB4 Ninh Thuận thực hiện quyết toán (Xem thêm Thuyết minh số 17).

**9. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.532.401.229	-	5.371.138.440	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	489.394.958	-	489.394.958	-
<b>Cộng</b>	<b>6.021.796.187</b>	<b>-</b>	<b>5.860.533.398</b>	<b>-</b>

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Công cụ dụng cụ, vật dụng hành chính xuất dùng	104.869.817		97.237.289	
Chi phí sửa chữa đường ống, tài sản khác	97.249.630		85.685.700	
Chi phí khác	507.293.050		122.491.878	
<b>Cộng</b>	<b>709.412.497</b>		<b>305.414.867</b>	
<b>b) Dài hạn</b>				
Chi phí lắp đặt, thay đồng hồ miễn phí	2.842.466.888		3.304.456.257	
Công cụ dụng cụ, vật dụng hành chính xuất dùng	584.539.113		398.937.073	
Chi phí sửa chữa tài sản khác	752.396.318		781.100.114	
<b>Cộng</b>	<b>4.179.402.319</b>		<b>4.484.493.444</b>	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Các khoản phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	697.161.752	6.805.935.107	6.960.691.805	851.918.450
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	454.350.035	454.350.035
Thuế thu nhập cá nhân	26.696.660	789.444.657	789.444.657	26.696.660
Thuế tài nguyên, cấp quyền khai thác tài nguyên nước	96.062.700	923.362.430	922.790.330	95.490.600
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	654.308	24.501.295	24.212.849	365.862
Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt	1.738.307.758	2.484.209.238	2.475.701.679	1.729.800.199
<b>Cộng</b>	<b>2.558.883.178</b>	<b>11.027.452.727</b>	<b>11.627.191.355</b>	<b>3.158.621.806</b>
<b>b) Các khoản phải nộp</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.750.757.313	8.463.946.024	10.214.703.337	-
Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp	-	5.000.000	5.000.000	-
Thuế môn bài	-	9.000.000	9.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.750.757.313</b>	<b>8.477.946.024</b>	<b>10.228.703.337</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư đầu năm	66.226.379.136	40.705.266.441	372.566.831.501	2.958.346.537	553.274.710	483.010.098.325
- Mua trong năm	54.722.975.694	7.435.764.403	275.673.220.162	89.875.000	-	337.921.835.259
- Tăng từ XDCB hoàn thành	336.243.787	-	397.545.315	1.839.071.032	-	2.572.860.134
- Giảm khác	-	-	-	(203.466.668)	-	(203.466.668)
Số dư cuối năm	121.285.598.617	48.141.030.844	648.637.596.978	4.683.825.901	553.274.710	823.301.327.050
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư đầu năm	48.176.451.967	31.789.050.112	317.856.527.508	1.234.173.743	553.274.710	399.609.478.040
- Khấu hao trong năm	5.448.700.555	2.579.254.668	25.129.283.466	549.748.137	-	33.706.986.826
- Phân loại lại	-	(585.876.532)	532.968.189	52.908.343	-	-
- Giảm khác	-	-	-	(18.375.720)	-	(18.375.720)
Số dư cuối năm	53.625.152.522	33.782.428.248	343.518.779.163	1.818.454.503	553.274.710	433.298.089.146
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày đầu năm	18.049.927.169	8.916.216.329	54.710.303.993	1.724.172.794	-	83.400.620.285
Tại ngày cuối năm	67.660.446.095	14.358.602.596	305.118.817.815	2.865.371.398	-	390.003.237.904

**Ghi chú:**

Ngày 26 tháng 5 năm 2025, Công ty đã được Ủy Ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận công nhận kết quả trúng đấu giá tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch Hệ thống cấp nước Cà Ná – Phước Nam và Hệ thống cấp nước Sơn Hải với tổng giá trị là 336.885.000.000 VND. Công ty đã hoàn tất việc tiếp nhận bàn giao tài sản và bắt đầu trích khấu hao từ ngày 01 tháng 07 năm 2025.

Như trình bày tại Thuyết minh số 18, Công ty đã thế chấp tài sản là Hệ thống cấp nước Cà Ná - Phước Nam và hệ thống cấp nước Sơn Hải có nguyên giá là 336.885.000.000 VND để đảm bảo cho khoản tiền vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ninh Thuận. Giá trị còn lại tài sản là Hệ thống cấp nước Cà Ná - Phước Nam và hệ thống cấp nước Sơn Hải tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 324.749.014.020 VND.

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 157.159.094.572 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 148.815.729.145 VND)

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng không còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 13.689.364.119 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 13.387.064.119 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính VND	Quyền khai thác nước mặn VND	TSCĐ vô hình khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư đầu năm	1.817.072.000	618.960.000	548.546.363	2.984.578.363
Số dư cuối năm	1.817.072.000	618.960.000	548.546.363	2.984.578.363
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư đầu năm	1.817.072.000	495.804.968	548.546.363	2.861.423.331
- Khấu hao trong năm	-	50.820.000	-	50.820.000
Số dư cuối năm	1.817.072.000	546.624.968	548.546.363	2.912.243.331
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày đầu năm	-	123.155.032	-	123.155.032
Tại ngày cuối năm	-	72.335.032	-	72.335.032

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 2.683.294.363 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 2.683.294.363 VND).

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng không còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 148.824.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 148.824.000 VND).

**14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trạm bơm tăng áp Phan Rang số 02, công suất 36.000 m3/ngày đêm	20.989.249.468	19.000.825.502
Nâng công suất Nhà máy nước Tháp Chàm	6.221.115.387	6.065.907.781
Các công trình khác	1.338.625.628	464.242.878
<b>Cộng</b>	<b>28.548.990.483</b>	<b>25.530.976.161</b>

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	1.810.080.000	1.810.080.000	-	-
Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Ninh Thuận	1.800.850.500	1.800.850.500	2.037.885.300	2.037.885.300
Nhà Máy Hóa Chất Biên Hòa - Công ty Cổ phần Hoá chất cơ bản Miền Nam	1.140.115.500	1.140.115.500	571.959.499	571.959.499
Các đối tượng khác	3.662.139.818	3.662.139.818	2.876.122.715	2.876.122.715
<b>Cộng</b>	<b>8.413.185.818</b>	<b>8.413.185.818</b>	<b>5.485.967.514</b>	<b>5.485.967.514</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	197.024.838	235.131.675
Chi phí nhiên liệu	126.557.200	125.112.400
Chi phí khác	275.703.472	196.093.712
<b>Cộng</b>	<b><u>599.285.510</u></b>	<b><u>556.337.787</u></b>

**17. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Khoản đền bù di dời tuyến ống cấp nước hai bên đường Vĩnh Hy – Ninh Chữ (i)	12.643.420.000	12.643.420.000
Nhận ký quỹ, ký cược	2.399.722.443	1.960.022.443
Dịch vụ thoát nước	762.275.508	764.078.056
Phí bảo vệ môi trường rừng	349.334.440	304.588.492
Cổ tức phải trả	108.718.411	84.365.161
Các khoản phải trả khác	603.547.518	485.702.331
<b>Cộng</b>	<b><u>16.867.018.320</u></b>	<b><u>16.242.176.483</u></b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Ban Quản lý dự án Cấp thoát nước đô thị ADB4 Ninh Thuận (ii)	17.311.469.150	18.505.154.749
<b>Cộng</b>	<b><u>17.311.469.150</u></b>	<b><u>18.505.154.749</u></b>

Ghi chú:

- (i) Đây là khoản tiền nhận hỗ trợ di dời tuyến ống nước dọc hai bên bờ Vĩnh Hy – Ninh Chữ (thuộc dự án ven biển tỉnh Ninh Thuận) với số tiền 12.643.420.000 VND theo Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận.
- (ii) Căn cứ theo Công văn số 4773/UBND-KT ngày 09 tháng 11 năm 2007 của UBND tỉnh Ninh Thuận, Công ty đã ban hành Quyết định số 16/QĐ/CTCPCN ngày 10 tháng 3 năm 2009 thành lập Ban QLDA cấp thoát nước đô thị ADB4- Ninh Thuận để thực hiện Dự án phát triển đô thị vừa và nhỏ khu vực miền Trung, tiểu dự án tỉnh Ninh Thuận. Trong thời gian thực hiện Dự án, Công ty đã chuyển tiền đối ứng cho Ban QLDA Cấp thoát nước đô thị ADB4- Ninh Thuận để thực hiện công trình là 13.028.161.367 VND (Xem thuyết minh số 08).

Giá trị tài sản của Dự án này (phần cấp nước) được Công ty tạm ghi tăng tài sản theo hồ sơ quyết toán công trình xác nhận thanh toán cuối cùng ngày 27 tháng 6 năm 2014 với số tiền 46.866.616.290 VND. Theo công văn số 2153/UBND-KTTH ngày 06 tháng 5 năm 2021, công văn số 4903/UBND-KTTH ngày 09 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận; công văn số 3634/STC-VP ngày 19 tháng 9 năm 2023, công văn số 1372/STC-VP ngày 09 tháng 4 năm 2024 và công văn số 482/STC-VP ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Sở tài chính tỉnh Ninh Thuận, Công ty đã tạm nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền đã trích khấu hao của dự án. Tổng số tiền đã nộp đến ngày 31 năm 12 năm 2025 là 29.555.147.140 VND (trong đó số tiền đã tạm nộp trong các năm 2021, 2022, 2023, 2024 và 2025 tương ứng lần lượt là 14.000.000.000 VND, 11.796.817.143 VND, 1.538.786.639 VND, 1.025.857.759 VND và 1.193.685.599 VND). Phần chênh lệch giữa giá trị tài sản tạm ghi tăng và số tiền tạm nộp tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 17.311.469.150 VND ( tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 18.505.154.749 VND).

Hiện nay, hồ sơ quyết toán dự án này đang được Ban QLDA cấp thoát nước đô thị - Ninh Thuận thực hiện quyết toán. Giá trị tài sản cũng như khoản phải thu và phải trả Ban QLDA cấp thoát nước đô thị- Ninh Thuận sẽ được điều chỉnh theo hồ sơ quyết toán chính thức

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**18. VAY**

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ
		VND				VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>13.436.095.028</b>	<b>13.436.095.028</b>	<b>249.144.095.028</b>	<b>237.044.095.028</b>	<b>25.536.095.028</b>	<b>25.536.095.028</b>
<b>a1. Vay ngắn hạn</b>	-	-	<b>223.608.000.000</b>	<b>223.608.000.000</b>	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ninh Thuận	-	-	223.608.000.000	223.608.000.000	-	-
<b>a2. Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>13.436.095.028</b>	<b>13.436.095.028</b>	<b>25.536.095.028</b>	<b>13.436.095.028</b>	<b>25.536.095.028</b>	<b>25.536.095.028</b>
Nguồn vốn ADB (i)	13.436.095.028	13.436.095.028	13.436.095.028	13.436.095.028	13.436.095.028	13.436.095.028
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ninh Thuận (ii)	-	-	12.100.000.000	-	12.100.000.000	12.100.000.000
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>33.590.237.556</b>	<b>33.590.237.556</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>25.536.095.028</b>	<b>208.054.142.528</b>	<b>208.054.142.528</b>
Nguồn vốn ADB (i)	33.590.237.556	33.590.237.556	-	13.436.095.028	20.154.142.528	20.154.142.528
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ninh Thuận (ii)	-	-	200.000.000.000	12.100.000.000	187.900.000.000	187.900.000.000
<b>Cộng</b>	<b>47.026.332.584</b>	<b>47.026.332.584</b>	<b>449.144.095.028</b>	<b>262.580.190.056</b>	<b>233.590.237.556</b>	<b>233.590.237.556</b>

**Ghi chú:**

- (i) Khoản vay vốn ADB là khoản vay theo Hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài chính và Công ty để thực hiện Dự án Cấp nước vệ sinh các thị xã, thị trấn lần thứ 3 – ADB 3 ngày 26 tháng 7 năm 2002, Bộ Tài chính cho Công ty vay lại khoản vay bằng đồng Việt Nam (VND) tương đương với 11.836.000 USD; với thời hạn vay là 22 năm; trong đó có 06 năm ân hạn bắt đầu từ ngày rút vốn đầu tiên của Dự án. Trong thời kỳ ân hạn, lãi của khoản vay sẽ được gốc hóa vào các ngày 01/6 và 01/12 hàng năm. Khoản vay được chia làm 32 kỳ trả nợ, trong đó kỳ trả nợ đầu tiên sau thời gian ân hạn là ngày 01 tháng 12 năm 2012. Hiện tại Ngân hàng đang áp dụng mức lãi suất cho vay là 5,8% và 0,2% phí quản lý;
- (ii) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ninh Thuận theo 01 Hợp đồng vay, giá trị khoản vay 200.000.000.000 VND, mục đích vay đầu tư mua tài sản đầu giá Hệ thống cấp nước Cà Ná - Phước Nam và Hệ thống cấp nước Sơn Hải. Khoản vay được hoàn trả trong vòng 156 tháng, lãi suất quy định theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay được bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng tài sản là Hệ thống cấp nước Cà Ná - Phước Nam và hệ thống cấp nước Sơn Hải hình thành từ khoản vay.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**18. VAY (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	25.536.095.028	13.436.095.028
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	84.954.142.528	33.590.237.556
Sau năm năm	123.100.000.000	-
	<b>233.590.237.556</b>	<b>47.026.332.584</b>
<i>Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (đã được trình bày trong vay ngắn hạn)</i>	<i>25.536.095.028</i>	<i>13.436.095.028</i>
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>208.054.142.528</b>	<b>33.590.237.556</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Đơn vị: VND Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	94.908.414.916	1.965.140.000	76.437.523.720	92.376.170.259	265.687.248.895
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	78.424.173.923	78.424.173.923
Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế năm 2023	-	-	21.609.536.826	(21.609.536.826)	-
Trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2023	-	-	-	(11.286.472.692)	(11.286.472.692)
Tạm trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi từ lợi nhuận năm 2024	-	-	-	(3.860.000.000)	(3.860.000.000)
Chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2023	-	-	-	(44.606.952.700)	(44.606.952.700)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>94.908.414.916</b>	<b>1.965.140.000</b>	<b>98.047.060.546</b>	<b>89.437.381.964</b>	<b>284.357.997.426</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	65.308.975.459	65.308.975.459
Trích quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	23.527.252.177	(23.527.252.177)	-
Trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi nhuận sau thuế năm 2024 (i)	-	-	-	(8.327.037.987)	(8.327.037.987)
Tạm trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi từ lợi nhuận 2025 (ii)	-	-	-	(120.000.000)	(120.000.000)
Chia cổ tức (i)	-	-	-	(57.580.932.347)	(57.580.932.347)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>94.908.414.916</b>	<b>1.965.140.000</b>	<b>121.574.312.723</b>	<b>65.191.134.912</b>	<b>283.639.002.551</b>

Ghi chú:

- (i) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 120/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2025, đã thông qua việc phân phối lợi nhuận sau thuế của Công ty năm tài chính 2024 như sau:
- Trích Quỹ đầu tư phát triển 30% Lợi nhuận sau thuế giá trị là 23.527.252.177 VND;
  - Trích Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi với tổng số tiền là 12.187.037.987 VND (trong đó: Quỹ khen thưởng là 8.892.015.362 VND, Quỹ phúc lợi là 3.000.000.000 VND và Quỹ thưởng của viên chức quản lý là 295.022.625 VND). Trong năm 2024, Công ty đã thực hiện tạm trích Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi từ lợi nhuận năm 2024 là 3.860.000.000 VND, năm 2025 trích bổ sung số tiền còn lại là 8.327.037.987 VND.
  - Chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 bằng tiền mặt tỷ lệ cổ tức là 60,67% tương đương 57.583.091.800 VND (Cổ tức trên mỗi cổ phần là 6.067 VND/cổ phần).
- (ii) Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 122/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 4 năm 2025, số 148/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 7 năm 2025 và số 175/NQ-HĐQT ngày 04 tháng 11 năm 2025, Công ty tạm trích Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi trên lợi nhuận của năm 2025 số tiền là 120.000.000 VND. Quyết định trích Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi năm 2025 sẽ do Đại hội đồng cổ đông trong năm 2026 của Công ty quyết định chính thức.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 4500289362 thay đổi lần thứ 6 ngày 17 tháng 03 năm 2026 do Sở Tài Chính tỉnh Khánh Hòa cấp, Vốn điều lệ của Công ty là 94.908.414.916 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

Nhà đầu tư	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Vốn góp của nhà nước	49.405.554.916	52,06%	49.405.554.916	52,06%
Vốn góp của các đối tượng khác	45.502.860.000	47,94%	45.502.860.000	47,94%
- Do pháp nhân nắm giữ	42.166.960.000	44,42%	42.173.960.000	44,43%
+ Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Sơn Long Thuận	40.224.860.000	42,38%	40.224.860.000	42,38%
+ Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải	1.000.000.000	1,05%	1.000.000.000	1,05%
+ Đối tượng khác	942.100.000	0,99%	949.100.000	1,00%
- Nhà đầu tư cá nhân	3.335.900.000	3,52%	3.328.900.000	3,51%
<b>Cộng</b>	<b>94.908.414.916</b>	<b>100%</b>	<b>94.908.414.916</b>	<b>100%</b>

**Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.490.841	9.490.841
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.490.841	9.490.841
+ Cổ phiếu phổ thông	9.490.841	9.490.841
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.490.841	9.490.841
+ Cổ phiếu phổ thông	9.490.841	9.490.841
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

Cổ tức đã chi trả cho cổ đông trong năm là 57.556.579.097 VND (năm 2024 là 44.632.792.700 VND VND).

**20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu hoạt động cấp nước	213.447.893.969	205.374.879.298
Doanh thu lắp đặt ống nước	7.915.266.110	8.373.381.475
<b>Cộng</b>	<b>221.363.160.079</b>	<b>213.748.260.773</b>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn hoạt động cấp nước	131.139.546.814	116.348.516.968
Giá vốn lắp đặt ống nước	5.253.108.254	5.551.498.941
<b>Cộng</b>	<b>136.392.655.068</b>	<b>121.900.015.909</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	66.698.514.973	66.024.191.700
Chi phí nhân công	39.221.928.712	37.465.756.996
Chi phí khấu hao tài sản cố định	33.757.806.826	22.646.064.668
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.909.311.654	4.033.799.967
Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng	(178.375.994)	(2.211.467.204)
Chi phí khác	7.265.755.900	6.470.960.540
<b>Cộng</b>	<b>151.674.942.071</b>	<b>134.429.306.667</b>

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	8.151.229.197	10.055.713.731
Lãi chậm thanh toán	316.927.989	498.314.602
<b>Cộng</b>	<b>8.468.157.186</b>	<b>10.554.028.333</b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	4.722.623.333	3.433.350.792
<b>Cộng</b>	<b>4.722.623.333</b>	<b>3.433.350.792</b>

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên	1.070.252.399	1.304.891.669
Chi phí vật liệu, bao bì	2.675.421.039	2.878.232.218
Chi phí dịch vụ mua ngoài	281.200.493	409.428.178
Các khoản chi phí bán hàng khác	457.542.000	457.989.000
<b>Cộng</b>	<b>4.484.415.931</b>	<b>5.050.541.065</b>

**b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm**

Chi phí nhân viên	2.502.342.600	2.360.181.000
Chi phí vật liệu quản lý	561.533.332	543.244.137
Chi phí khấu hao TSCĐ	724.217.652	548.410.130
Thuế, phí và lệ phí	1.329.707.211	1.287.366.635
Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng	(178.375.994)	(2.211.467.204)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.486.671.364	1.263.968.342
Các khoản chi phí bằng tiền khác	4.371.774.907	3.687.046.653
<b>Cộng</b>	<b>10.797.871.072</b>	<b>7.478.749.693</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**26. THU NHẬP KHÁC**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập từ việc đền bù giá trị tài sản thiệt hại	-	553.690.392
Thu nhập từ bồi thường di dời các tuyến ống	-	2.841.253.477
Thu nhập từ phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt	103.508.719	101.438.165
Thu nhập từ dịch vụ thoát nước	414.600.555	337.147.863
Thu nhập khác	154.644.026	107.330.016
<b>Cộng</b>	<b>672.753.300</b>	<b>3.940.859.913</b>

**27. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí cho nhân viên thu phí bảo vệ môi trường và dịch vụ thoát nước	328.629.140	-
Chi phí thực hiện di dời các tuyến ống	-	1.763.235.439
Chi phí khác	4.954.538	54.819.275
<b>Cộng</b>	<b>333.583.678</b>	<b>1.818.054.714</b>

**28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>73.772.921.483</b>	<b>88.562.436.846</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế	449.548.130	450.512.936
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế	(224.107.105)	(4.373.987.142)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>73.998.362.508</b>	<b>84.638.962.640</b>
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>73.998.362.508</b>	<b>84.638.962.640</b>
Thu nhập chịu thuế suất 10%	63.357.264.786	72.220.335.923
Thu nhập chịu thuế suất 20%	10.641.097.722	14.581.146.655
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>8.463.946.024</b>	<b>10.138.262.923</b>
Chi phí thuế theo thuế suất 10%	6.335.726.479	7.222.033.592
Chi phí thuế theo thuế suất 20%	2.128.219.545	2.916.229.331
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>8.463.946.024</b>	<b>10.138.262.923</b>

Công ty áp dụng mức thuế suất ưu đãi 10% cho thu nhập từ hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực xã hội hóa.

Công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận cho mục đích tính thuế không có sự khác biệt so với lợi nhuận kế toán. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan Thuế có thẩm quyền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	65.308.975.459	78.424.173.923
<i>Điều chỉnh</i>		
Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	<u>(7.831.921.476)</u>	<u>(12.187.037.987)</u>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	57.477.053.983	66.237.135.936
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.490.841	9.490.841
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u><u>6.056</u></u>	<u><u>6.979</u></u>

Ghi chú:

- (i) Giá trị trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2025 là số tạm ước tính bởi Công ty và sẽ được Đại hội đồng cổ đông năm 2026 quyết định chính thức.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 120/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2025 đã chính thức thông qua việc trích lập quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 với tổng số tiền là 12.187.037.987 VND.

**30. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý:

**Khu vực địa lý**

Hoạt động của Công ty chủ yếu tập trung trong địa bàn tỉnh Ninh Thuận. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty chủ yếu hoạt động kinh doanh trong một lĩnh vực cấp nước. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Ngoài các số dư với các bên liên quan như đã trình bày tại Thuyết minh số 19; trong năm, Công ty còn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

**Giao dịch với các bên liên quan:**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
<b>Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa (Trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 là Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận)</b>		
Trả tiền cổ tức	29.974.347.185	23.220.608.500
<b>Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Sơn Long Thuận</b>		
<b>Đã trả</b>		
Trả tiền cổ tức	24.404.422.562	18.905.684.200
Mua vật tư và sử dụng dịch vụ (đã bao gồm thuế GTGT)	216.375.000	158.909.000
<b>Đã thu</b>		
Tiền đầu nối hệ thống nước (đã bao gồm thuế GTGT)	-	63.212.603

**Thù lao, tiền lương, thưởng của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát hưởng trong năm:**

	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
<b>Hội đồng Quản trị</b>			
Ông Phạm Hữu Sơn	Chủ tịch	521.203.500	530.277.840
Ông Đinh Ân	Thành viên	76.558.927	75.074.316
Ông Nguyễn Quốc Quyền	Thành viên	76.558.927	75.074.316
Ông Võ Ngọc Thoại	Thành viên	-	29.376.909
Ông Đinh Việt Sơn	Thành viên	-	29.376.909
Ông Phan Thành Phong	Thành viên	76.558.927	45.697.407
Ông Hồ Huy Vũ	Thành viên	76.558.927	45.697.407
<b>Ban Giám đốc</b>			
Ông Đinh Ân	Giám đốc	398.828.308	508.105.332
Ông Đinh Việt Sơn	Phó Giám đốc	376.239.184	452.117.380
Ông Nguyễn Quốc Quyền	Phó Giám đốc	421.622.224	432.306.380
Ông Đặng Văn Đủ	Phó Giám đốc	195.975.662	-
Bà Nguyễn Thu Hòa	Phó Giám đốc	31.811.427	-
<b>Ban kiểm soát</b>			
Bà Bá Bạch Thủy Tiên	Trưởng ban	436.618.483	447.893.220
Bà Đinh Lê Ngọc Trâm	Thành viên	61.247.145	60.059.448
Ông Phạm Nguyên Thắng	Thành viên	61.247.145	36.557.927
<b>Cộng</b>		<u>2.811.028.786</u>	<u>2.767.614.791</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**32. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm 2.510.493.800 VND là số tiền lãi tiền gửi có kỳ hạn phát sinh trong năm mà chưa thu tiền, nhưng đã bao gồm 2.644.741.730 VND là số tiền lãi phải thu năm trước đã thu được tiền trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trong năm không bao gồm 108.718.411 là số tiền cổ tức phải trả chi trả trong năm nhưng chưa thanh toán, nhưng đã bao gồm 84.365.161 VND là số tiền cổ tức còn phải trả trong năm trước đã được chi trả trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác trong năm là 341.010.223.440 VND (năm 2024 là: 2.967.015.529 VND) trong đó không bao gồm 1.193.352.735 VND (năm 2024 là: 373.387.023 VND) là tiền mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong năm nhưng chưa được thanh toán trong năm. Vì vậy, một khoản tiền bù trừ tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

**33. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT NĂM TÀI CHÍNH**

Ngày 08 tháng 01 năm 2026, Công ty Cổ phần – Tổng Công ty nước – Môi trường Bình Dương (Bên nhận chuyển nhượng vốn) và Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Sơn Long Thuận (Bên chuyển nhượng vốn) đã hoàn tất nhận chuyển nhượng 2.350.000 cổ phiếu của Công ty (tương ứng 24,76% tỷ lệ vốn góp của chủ sở hữu tại thời điểm chuyển nhượng). Do đó, kể từ ngày 08 tháng 01 năm 2026, Công ty Cổ phần – Tổng Công ty nước – Môi trường Bình Dương chính thức trở thành cổ đông lớn của Công ty.



Nguyễn Quốc Quyền  
Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 3 năm 2026

Lâm Đại Nam  
Phụ trách Kế toán

Lâm Đại Nam  
Người lập biểu



## TỜ TRÌNH

Về việc: Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, đã sửa đổi lần 7 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, thông qua ngày 27/4/2022;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 đã được Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Kiểm toán VACO kiểm toán;

Căn cứ Nghị quyết số 273/NQ-HĐQT ngày 25/5/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận về việc thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026,

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025 như sau:

### 1. Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Vốn điều lệ	94.908.414.916	a
2	Lợi nhuận sau thuế năm trước chuyển sang	2.159.453	b
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2025	65.308.975.459	c
4	Lợi nhuận sau thuế dùng để phân phối	65.311.134.912	d = (b+c)
5	Trích lập các quỹ từ LNST năm 2025:	65.311.134.912	e = f+g+l
5.1	Quỹ đầu tư phát triển	32.651.687.277	f



STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)	Ghi chú
	Trong đó: + Quỹ đầu tư phát triển dự kiến dùng để thực hiện phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (*) + Quỹ đầu tư phát triển còn lại	32.651.687.277   0	
5.2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi:	7.831.407.579	$g = h+i+k$
	Quỹ khen thưởng của người lao động	5.341.003.933	$h$
	Quỹ phúc lợi	1.957.466.472	$i$
	Quỹ khen thưởng của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên và Ban điều hành	532.937.174	$k$
5.3	Chi trả cổ tức bằng tiền mặt 26,16% (tính trên tổng mệnh giá 9.490.841 cổ phần)	24.828.040.056	$l$
	Cổ tức trên mỗi cổ phần (đồng/cp)	2.616	
6	Liên quan đến cổ đông Nhà nước		
6.1	Vốn góp của cổ đông nhà nước tại 31/12/2025 (trung ứng với 4.940.555 cổ phần)	49.405.554.916	
6.2	Tỷ lệ cổ phần Nhà nước nắm giữ	52,06%	
6.3	Cổ tức được chia theo cổ phần Nhà nước	12.924.491.880	$= 4.940.555 \text{ cổ phần} \times 2.616 \text{ đồng/cổ phần}$
7	Lợi nhuận chuyên sang năm 2026	0	$m = c-d$

Ghi chú:

(\*): Nội dung này sẽ được chi tiết tại Tờ trình số 279/TTr-HĐQT ngày 25/5/2026 của Hội đồng quản trị về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

**2. Thời điểm chi trả cổ tức:**

- Ngày chốt danh sách để chia cổ tức là ngày 10/7/2026.
- Ngày chi trả cổ tức: bắt đầu từ ngày 10/8/2026.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT, NPTQTCT.



**Phạm Hữu Sơn**



## TỜ TRÌNH

Về việc: Quyết toán chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025 và Kế hoạch chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2026.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, đã sửa đổi lần 7 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, thông qua ngày 27/4/2022;*

*Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 đã được Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Kiểm toán VACO kiểm toán;*

*Căn cứ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026;*

*Căn cứ Nghị quyết số 273/NQ-HĐQT ngày 25/5/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận về việc thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026,*

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết toán mức chi tiền lương, thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025 và Kế hoạch chi tiền lương, thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2026 cụ thể như sau:

**1. Quyết toán chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025:**

**a/ Hội đồng quản trị:**

+ Tiền lương Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách:

01 người, mức chi là: 473.792.200 đồng

+ Thù lao thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách:

04 người, mức chi là: 306.235.708 đồng

**Tổng cộng: 780.027.908 đồng**

Bằng chữ: Bảy trăm tám mươi triệu, không trăm hai mươi bảy ngàn, chín trăm lẻ tám đồng.

**b/ Ban kiểm soát:**

+ Tiền lương Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách:

01 người, mức chi là: 395.794.283 đồng

+ Thù lao thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách:

02 người, mức chi là: 122.494.290 đồng  
**Tổng cộng: 518.288.573 đồng**

Bằng chữ: *Năm trăm mười tám triệu, hai trăm tám mươi tám ngàn, năm trăm bảy mươi ba đồng.*

\* Tổng cộng tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát: **1.298.316.481 đồng**

Bằng chữ: *Một tỷ, hai trăm chín mươi tám triệu, ba trăm mười sáu ngàn, bốn trăm tám mươi một đồng.*

**2. Kế hoạch chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2026:**

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2026, cụ thể:

**a/ Hội đồng quản trị:**

+ Tiền lương Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách:

01 người, mức chi là: 444.000.000 đồng

+ Thù lao thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách:

04 người, mức chi là: 288.000.000 đồng

**Tổng cộng: 732.000.000 đồng**

Bằng chữ: *Bảy trăm ba mươi hai triệu đồng.*

**b/ Ban kiểm soát:**

+ Tiền lương Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách:

01 người, mức chi là: 372.000.000 đồng

+ Thù lao thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách:

02 người, mức chi là: 129.600.000 đồng

**Tổng cộng: 501.600.000 đồng**

Bằng chữ: *Năm trăm lẻ một triệu, sáu trăm ngàn đồng.*

\* Tổng cộng tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2026 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát: **1.233.600.000 đồng**

Bằng chữ: *Một tỷ, hai trăm ba mươi ba triệu, sáu trăm ngàn đồng.*

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT, NPTQTCT.



**Phạm Hữu Sơn**

CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP NƯỚC NINH THUẬN  
BAN KIỂM SOÁT

Số 38/TTr-BKS



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 22 tháng 5 năm 2026

## TỜ TRÌNH

Về việc: Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Thông tư 183/2013/TT-BTC ngày 04/12/2013 của Bộ Tài chính về kiểm toán độc lập đối với đơn vị có lợi ích công chúng;*

*Căn cứ Quyết định 3830/QĐ-BTC ngày 14/11/2025 của Bộ Tài chính về việc chấp thuận cho doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2026;*

*Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, đã sửa đổi lần 7 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, thông qua ngày 27/4/2022;*

*Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 nhiệm kỳ III (2019-2024), thông qua ngày 27/4/2022,*

Ban kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt danh sách các Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 như sau:

### **1. Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán:**

- Là Công ty kiểm toán hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Bộ Tài chính chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2026;

- Không xung đột các quyền và lợi ích hợp pháp khi thực hiện kiểm toán cho Công ty;

- Đáp ứng yêu cầu của Công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán;

- Có kinh nghiệm, uy tín về chất lượng kiểm toán và đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao, nhiều kinh nghiệm; có mức phí phù hợp với chất lượng trên cơ sở xem xét các văn bản chào phí kiểm toán và phạm vi kiểm toán;

- Ưu tiên đối với Công ty kiểm toán am hiểu về hoạt động của Công ty, đã có kinh nghiệm kiểm toán các đơn vị có lĩnh vực kinh doanh tương tự Công ty.

**2. Danh sách các Công ty kiểm toán trình Đại hội đồng cổ đông:**

- Căn cứ các tiêu chí lựa chọn nêu trên, Ban kiểm soát kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách các Công ty kiểm toán để lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty, bao gồm:

- + Công ty TNHH Kiểm toán VACO;
- + Công ty TNHH Kiểm toán FAC;
- + Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

- Đồng thời, Ban kiểm soát kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện lựa chọn một trong các Công ty kiểm toán trong danh sách trên và giao cho Giám đốc Công ty ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với Công ty kiểm toán độc lập được lựa chọn để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty.

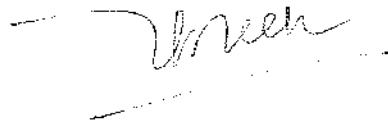
- Trong trường hợp không chọn được một trong các đơn vị kiểm toán nêu trên, kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động lựa chọn đơn vị khác trên cơ sở đáp ứng được tiêu chí đã đề ra và đảm bảo lợi ích tối đa cho Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT, BKS, NPTQTCT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Bá Bạch Thủy Tiên**

CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP NƯỚC NINH THUẬN  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
Số: 278/TTTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Khánh Hòa, ngày 25 tháng 5 năm 2026

## TỜ TRÌNH

Về việc: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty,  
Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, đã sửa đổi lần 7 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, thông qua ngày 27/4/2022;

Căn cứ Nghị quyết số 273/NQ-HĐQT ngày 25/5/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận về việc thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026,

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua toàn văn Dự thảo sửa đổi, bổ sung của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

(Đính kèm Dự thảo sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận; Dự thảo sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Dự thảo sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Phụ lục tổng hợp những điểm sửa đổi, bổ sung).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT, NPTQTCT.



**Phạm Hữu Sơn**



**PHỤ LỤC**  
**TỔNG HỢP NHỮNG ĐIỂM SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG, QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ**  
**QUẢN TRỊ CÔNG TY, QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

(kèm theo Tờ trình số 278/TTr-HĐQT ngày 25/5/2026)

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 01/7/2025;

Căn cứ Luật Chứng khoán được hợp nhất theo văn bản số 24/VBHN-VPQH ngày 26/02/2025,

Hội đồng quản trị Công ty tổng hợp những điểm sửa đổi, bổ sung trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận năm 2026, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty năm 2026 và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2026 để trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết tại cuộc họp, cụ thể như sau:

**1. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận:**

STT	Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
1	<p style="text-align: center;"><b>PHẦN MỞ ĐẦU</b></p> <p>Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông Công ty tại phiên họp đầu tiên ... , sửa đổi lần thứ sáu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 tổ chức vào ngày 21 tháng 6 năm 2019.</p> <p>Sửa đổi lần thứ bảy theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 515/2022/NQ-ĐHĐCĐ vào ngày 27 tháng 4</p>	<p style="text-align: center;"><b>PHẦN MỞ ĐẦU</b></p> <p>Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông Công ty tại phiên họp đầu tiên ... , sửa đổi lần thứ sáu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 tổ chức vào ngày 21 tháng 6 năm 2019, sửa đổi lần thứ bảy theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 515/2022/NQ-ĐHĐCĐ vào ngày 27 tháng 4 năm 2022.</p>	



STT	Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
	năm 2022.	Sửa đổi lần thứ tám theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số /2026/NQ-DHĐCD vào ngày tháng năm 2026.	
2	<p><b>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</b></p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>...</p> <p>d) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;</p> <p>đ) “Luật chứng khoán” là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;</p> <p>q) “Cổ tức” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác;</p>	<p><b>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</b></p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>...</p> <p>d) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020; <b>Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022; Luật số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;</b></p> <p>đ) “Luật chứng khoán” là <b>Luật Chứng khoán được hợp nhất theo văn bản số 24/VBHN-VPQH được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 02 năm 2025;</b></p> <p>q) “Cổ tức” là <b>khoản lợi nhuận sau thuế được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền hoặc bằng tài sản khác;</b></p>	Thay đổi theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025

STT	Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
3	<p><b>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty</b></p> <p>...</p> <p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ trụ sở chính: Số 14 Tô Hiệu, phường Kinh Dinh, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.</li> <li>- Điện thoại: (0259) 3820350</li> <li>-Email: capnuocninhthuan@niwaco.com.vn</li> <li>-Website: http://www.capnuocninhthuan.com</li> </ul> <p>Các địa điểm kinh doanh:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* <b>Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận</b> <i>Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, phường Kinh Dinh, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.</i></li> <li>* <b>Nhà máy nước Tháp Chàm</b> <i>Địa chỉ: Quốc lộ 27 - phường Đô Vinh, tỉnh Khánh Hòa, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.</i></li> <li>* <b>Nhà máy nước Phước Dân</b> <i>Địa chỉ: Thị trấn Phước Dân, huyện Ninh</i></li> </ul>	<p><b>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty</b></p> <p>...</p> <p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ trụ sở chính: <b>Số 14 Tô Hiệu, phường Phan Rang, tỉnh Khánh Hòa.</b></li> <li>- Điện thoại: <b>(0259) 377 8080 – 383 2020</b></li> <li>-Email: <b>capnuocninhthuan@gmail.com</b></li> <li>-Website: http://www.capnuocninhthuan.com</li> </ul> <p>Các địa điểm kinh doanh:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* <b>Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận</b> <i>Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, phường Phan Rang, tỉnh Khánh Hòa</i></li> <li>* <b>Nhà máy nước Tháp Chàm</b> <i>Địa chỉ: Số 914 đường 21 tháng 8, phường Đô Vinh, tỉnh Khánh Hòa</i></li> <li>* <b>Nhà máy nước Phước Dân</b> <i>Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Ninh Phước, tỉnh Khánh Hòa.</i></li> <li>* <b>Nhà máy nước Tân Sơn</b> <i>Địa chỉ: Số 02 Lý Tự Trọng, xã Ninh Sơn, tỉnh</i></li> </ul>	

STT	Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi, bổ sung		Ghi chú
	<p><i>Phước, tỉnh Ninh Thuận.</i></p> <p><b>* Nhà máy nước Tân Sơn</b></p> <p><i>Địa chỉ: Thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.</i></p> <p><b>* Tổ Giao dịch Ninh Hải</b></p> <p><i>Địa chỉ: Đường Trường Chinh, Thị trấn Khánh Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.</i></p> <p><b>* Tổ Giao dịch Cà Ná</b></p> <p><i>Địa chỉ: Thôn Lạc Nghiệp, xã Cà Ná, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.</i></p> <p><b>* Trạm Giao dịch Từ Thiện</b></p> <p><i>Địa chỉ: Thôn Từ Thiện, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.</i></p>	<p><b>Khánh Hòa.</b></p> <p><b>* Điểm Giao dịch Ninh Hải</b></p> <p><i>Địa chỉ: 318 Trường Chinh, phường Ninh Chữ, tỉnh Khánh Hòa.</i></p> <p><b>* Điểm Giao dịch Cà Ná</b></p> <p><i>Địa chỉ: Thôn Lạc Nghiệp, xã Cà Ná, tỉnh Khánh Hòa.</i></p> <p><b>* Điểm Giao dịch Sơn Hải</b></p> <p><i>Địa chỉ: Thôn Từ Thiện, xã Phước Dinh, tỉnh Khánh Hòa.</i></p>	<p><b>Chữ,</b></p>	
4	<p><b>Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty</b></p> <p>1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:</p> <p>...</p> <p>- 4. Xây dựng công trình cấp, thoát nước. Mã ngành 4220</p> <p>- 5. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng</p> <p><b>Chi tiết:</b> Kinh doanh vật tư phục vụ cho lắp đặt và sử dụng nước. Mã ngành 4663</p>	<p><b>Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty</b></p> <p>1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:</p> <p>...</p> <p>- 4. Xây dựng công trình cấp, thoát nước. Mã ngành <b>4222</b></p> <p>- 5. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng</p> <p><b>Chi tiết:</b> Kinh doanh vật tư phục vụ cho lắp đặt và sử dụng nước. Mã ngành <b>4673</b></p>		<p>Thay đổi theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/09/2025 của Chính phủ về việc ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</p>

STT	Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
5	<p><b>Điều 12. Quyền của cổ đông</b></p> <p>...</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p>	<p><b>Điều 12. Quyền của cổ đông</b></p> <p>...</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp; <b>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;</b></p>	<p>Bổ sung theo quy định tại khoản 18 Điều 1 Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2025 của Quốc hội.</p>
6	<p><b>Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>...</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>...</p> <p>s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p>	<p><b>Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>...</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>...</p> <p>s) <b>Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 84 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020</b></p>	<p>Sửa đổi theo quy định tại khoản 84 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ.</p>

STT	Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;	
7	<p><b>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>...</p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;</p>	<p><b>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>...</p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. <b>Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên số đăng ký cổ đông, số đăng ký người sở hữu chứng khoán của công ty.</b> Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;</p>	<p>Bổ sung theo quy định tại khoản 21 Điều 1 Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2025 của Quốc hội.</p>
8	<p><b>Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc</b></p> <p>...</p> <p>4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>...</p>	<p><b>Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc</b></p> <p>...</p> <p>4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>...</p>	<p>Bổ sung để phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.</p>

STT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
	<p><b>họp và Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Việc công bố thông tin được thực hiện theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 Thông tư số 96/2020/TT-BTC.</p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p><b>họp và Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Việc công bố thông tin được thực hiện theo <b>quy định của pháp luật hiện hành.</b></p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. <b>Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông, số đăng ký người sở hữu chứng khoán của Công ty.</b> Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Bổ sung theo quy định tại khoản 21 Điều 1 Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2025 của Quốc hội.</p>
4	<p><b>Điều 12. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>18. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p>	<p><b>Điều 12. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p><b>18. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 84 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính</b></p>	<p>Sửa đổi theo quy định tại khoản 84 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ.</p>

11/07/2025

STT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
5	<p><b>Điều 49. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;</p>	<p><b>phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</b></p> <p><b>Điều 49. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp và <b>khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp;</b></p> <p>c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty <b>chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác;</b></p>	<p>Bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Luật 76/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2025 của Quốc hội.</p> <p>Sửa đổi theo quy định tại khoản 78 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 11/9/2025</p>
6	<p><b>Điều 75. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát</b></p> <p>a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;</p>	<p><b>Điều 75. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát</b></p> <p>a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp và <b>khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp;</b></p>	<p>Bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Luật 76/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp ngày</p>

STT	Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		c) Quyết định các khoản đầu tư, giao dịch mua bán tài sản có giá trị không quá 5 tỷ đồng;	
9	<p><b>Điều 58. Ngày hiệu lực</b></p> <p>1. Bản điều lệ này gồm 21 Mục 58 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận nhất trí thông qua ngày 27 tháng 4 năm 2022 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. Điều lệ này sẽ có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế bản Điều lệ đã sửa đổi lần 6 tại Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, thông qua ngày 21/06/2019.</p>	<p><b>Điều 58. Ngày hiệu lực</b></p> <p>1. Bản điều lệ này gồm 21 Mục 58 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận nhất trí thông qua ngày tháng năm 2026 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. Điều lệ này sẽ có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế bản Điều lệ đã sửa đổi lần 7 tại Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, thông qua ngày 27/04/2022.</p>	

## 2. Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

STT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
1	<p><b>CĂN CỨ PHÁP LÝ</b></p> <p><i>Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;</i></p> <p><i>Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;</i></p>	<p><b>CĂN CỨ PHÁP LÝ</b></p> <p><i>Căn cứ Luật Chứng khoán được hợp nhất theo văn bản số 24/VBHN-VPQH được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/02/2025;</i></p> <p><i>Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01</i></p>	

STT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
	<p>Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 515/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022;</p>	<p><i>năm 2022; Luật số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;</i></p> <p><i>Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ;</i></p> <p><i>Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ..../2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày tháng năm 2026;</i></p>	
2	<p><b>Điều 2. Giải thích thuật ngữ</b></p> <p><i>h. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;</i></p> <p><i>i. “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;</i></p>	<p><b>Điều 2. Giải thích thuật ngữ</b></p> <p><i>h. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022; Luật số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;</i></p> <p><i>i. “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán được hợp nhất theo văn bản số 24/VBHN-VPQH được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 02 năm 2025;</i></p>	
3	<p><b>Điều 5. Lập danh sách cổ đông có quyền dự</b></p>	<p><b>Điều 5. Lập danh sách cổ đông có quyền dự</b></p>	

STT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
			17/6/2025 của Quốc hội.
7	<p><b>Điều 81. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc</b></p> <p>2. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>.....</p>	<p><b>Điều 81. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc</b></p> <p>2. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p><b>c. Quyết định các khoản đầu tư, giao dịch mua bán tài sản có giá trị không quá 5 tỷ đồng;</b></p>	Bổ sung để phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
8	<p><b>Điều 82. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc</b></p> <p>2. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;</p>	<p><b>Điều 82. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc</b></p> <p>2. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp và <b>khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp;</b></p>	Bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Luật 76/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2025 của Quốc hội.
9	<p><b>Điều 90. Các trường hợp Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị</b></p> <p>2. Những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị:</p> <p>c. Việc thực hiện các dự án đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	<p><b>Điều 90. Các trường hợp Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị</b></p> <p>Bỏ điểm c khoản 2</p>	Bỏ để phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

STT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
10	<p><b>Điều 97. Ngày hiệu lực</b></p> <p>1. Quy chế này gồm 07 Chương 97 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty nhất trí thông qua ngày 27 tháng 4 năm 2022.</p> <p>2. Quy chế này sẽ có hiệu lực kể từ ngày 27/4/2022.</p>	<p><b>Điều 97. Ngày hiệu lực</b></p> <p>1. Quy chế này gồm 07 Chương 97 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty nhất trí thông qua ngày tháng năm 2026 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 và thay thế Quy chế nội bộ về quản trị Công ty năm 2022, thông qua ngày 27/04/2022.</p> <p>2. Quy chế này sẽ có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2026.</p>	

### 3. Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
1	<p><b>CĂN CỨ PHÁP LÝ</b></p> <p><i>Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;</i></p> <p><i>Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;</i></p> <p><i>Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31</i></p>	<p><b>CĂN CỨ PHÁP LÝ</b></p> <p><i>Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019 và Luật Chứng khoán được hợp nhất theo văn bản số 24/VBHN-VPQH được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/02/2025;</i></p> <p><i>Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022; Luật số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;</i></p> <p><i>Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày</i></p>	

STT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
	<p><i>tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</i></p> <p><i>Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 515/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022;</i></p>	<p><i>31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ;</i></p> <p><i>Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số /2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày tháng năm 2026;</i></p>	
2	<p><b>Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;</p>	<p><b>Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp, <b>khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp;</b></p> <p>c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty <b>chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác;</b></p>	<p>Bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Luật 76/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2025 của Quốc hội.</p> <p>Sửa đổi theo quy định tại khoản 78 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 11/9/2025</p>

STT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
3	<p><b>Điều 23. Hiệu lực thi hành</b></p> <p>1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận bao gồm 7 chương, 23 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty nhất trí thông qua ngày 27 tháng 4 năm 2022.</p> <p>2. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2022</p>	<p><b>Điều 23. Hiệu lực thi hành</b></p> <p>1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận bao gồm 7 chương, 23 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty nhất trí thông qua ngày tháng năm 2026 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 và thay thế Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2022, thông qua ngày 27/04/2022.</p> <p>2. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.</p>	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN



**ĐIỀU LỆ**  
**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN**

*Khánh Hòa, tháng 6 năm 2026*



## MỤC LỤC

<b>I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</b> .....	2
Điều 1. Giải thích thuật ngữ .....	2
<b>II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY</b> .....	3
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty .....	3
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty .....	4
<b>III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b> .....	5
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty .....	5
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty .....	6
<b>IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN</b> .....	6
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần .....	6
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu .....	7
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác .....	7
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần .....	7
Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp) .....	8
<b>V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT</b> .....	8
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát .....	8
<b>VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b> .....	8
Điều 12. Quyền của cổ đông .....	8
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông .....	10
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông .....	11
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông .....	13
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông .....	15
Điều 17. Thay đổi các quyền .....	15
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông .....	16
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông .....	18
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông .....	18
Điều 21. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua .....	20
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông .....	21
Điều 23. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông .....	23
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông .....	24
<b>VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	24
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị .....	24
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị .....	26
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị .....	26

Điều 28. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	28
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	29
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	29
Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty.....	32
<b>VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....</b>	<b>33</b>
Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý.....	33
Điều 33. Người điều hành Công ty.....	33
Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc.....	34
Điều 35. Thư ký Công ty.....	35
<b>IX. BAN KIỂM SOÁT.....</b>	<b>36</b>
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên).....	36
Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát.....	36
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát.....	37
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	37
Điều 40. Cuộc họp của Ban Kiểm soát.....	38
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	38
<b>X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....</b>	<b>39</b>
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	39
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	40
<b>XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....</b>	<b>40</b>
Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	40
<b>XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....</b>	<b>41</b>
Điều 45. Công nhân viên và công đoàn, hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị xã hội khác.....	41
<b>XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....</b>	<b>42</b>
Điều 46. Phân phối lợi nhuận.....	42
<b>XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....</b>	<b>42</b>
Điều 47. Tài khoản ngân hàng.....	42
Điều 48. Năm tài chính.....	43
Điều 49. Chế độ kế toán.....	43
<b>XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....</b>	<b>43</b>
Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	43
Điều 51. Báo cáo thường niên.....	43
<b>XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....</b>	<b>43</b>
Điều 52. Kiểm toán.....	43
<b>XVII. DẤU CỦA CÔNG TY.....</b>	<b>44</b>
Điều 53. Dấu của Công ty.....	44
<b>XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY.....</b>	<b>44</b>
Điều 54. Giải thể Công ty.....	44

021  
 0N  
 0P  
 0T  
 0H  
 0K

Điều 55. Thanh lý .....	44
<b>XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ .....</b>	<b>45</b>
Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	45
<b>XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ .....</b>	<b>46</b>
Điều 57. Điều lệ công ty .....	46
<b>XXI. NGÀY HIỆU LỰC .....</b>	<b>46</b>
Điều 58. Ngày hiệu lực.....	46

## PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo quyết định họp lệ của Đại hội đồng cổ đông Công ty tại phiên họp đầu tiên tổ chức chính thức vào ngày 29 tháng 8 năm 2008 và được sửa đổi bổ sung lần thứ nhất theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 tổ chức chính thức vào ngày 26 tháng 6 năm 2009, sửa đổi bổ sung lần thứ hai theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 tổ chức chính thức vào ngày 27 tháng 4 năm 2012, sửa đổi bổ sung lần thứ ba theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 (Vòng 2) tổ chức chính thức vào ngày 14 tháng 3 năm 2014, sửa đổi bổ sung lần thứ tư theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 tổ chức chính thức vào ngày 27 tháng 6 năm 2014, sửa đổi lần thứ năm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2017 tổ chức chính thức vào ngày 25 tháng 8 năm 2017, sửa đổi lần thứ sáu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 tổ chức vào ngày 21 tháng 6 năm 2019, sửa đổi lần thứ bảy theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 515/2022/NQ-ĐHĐCĐ vào ngày 27 tháng 4 năm 2022.

Sửa đổi lần thứ tám theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 294/2026/NQ-ĐHĐCĐ vào ngày 26 tháng 6 năm 2026.

## **I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ**

### **Điều 1. Giải thích thuật ngữ**

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) “Công ty” là Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận;
- b) “Vốn điều lệ” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- c) “Vốn có quyền biểu quyết” là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022; Luật số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- đ) “Luật chứng khoán” là Luật Chứng khoán được hợp nhất theo văn bản số 24/VBHN-VPQH được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 02 năm 2025;
- e) “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- g) “Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” là văn bản bằng bản giấy hoặc bản điện tử ghi lại những thông tin về đăng ký doanh nghiệp mà Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp cho Công ty;
- h) “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc;
- i) “Người điều hành doanh nghiệp” là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm bằng nghị quyết/quyết định trong đó ghi nhận rõ là Người điều hành doanh nghiệp;
- k) “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán và Khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp;
- l) “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
- m) “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán;
- n) “Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại khoản 5 Điều 2 Điều lệ này;
- o) “Việt Nam” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- p) “Địa bàn kinh doanh” có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài;
- q) “Cổ tức” là khoản lợi nhuận sau thuế được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền hoặc bằng tài sản khác;

r) “Góp vốn” là việc góp tài sản để tạo thành vốn điều lệ của công ty. Góp vốn bao gồm góp vốn để thành lập công ty hoặc góp thêm vốn điều lệ của công ty đã được thành lập;

s) “Sổ giao dịch chứng khoán” là Sổ giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con;

t) “Đại hội trực tuyến” là cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức thông qua áp dụng các giải pháp công nghệ thông tin hiện đại để truyền tải âm thanh và/hoặc hình ảnh Đại hội, cho phép các cổ đông ở các địa điểm khác nhau có thể tham dự, theo dõi, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp;

u) “Đại hội trực tiếp” là cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo đó các cổ đông tham dự trực tiếp, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp tại một địa điểm nhất định mà không phải hình thức trực tuyến quy định tại điểm t khoản này.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

## **II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty**

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN**

- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **NINH THUAN WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY**

- Tên Công ty viết tắt: **NIWACO**

2. Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 14 Tô Hiệu, phường Phan Rang, tỉnh Khánh Hòa.

- Điện thoại: (0259) 377 8080 – 383 2020

-Email: [capnuocninhthuan@gmail.com](mailto:capnuocninhthuan@gmail.com)

-Website: <http://www.capnuocninhthuan.com>

Các địa điểm kinh doanh:

**\* Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận**

*Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, phường Phan Rang, tỉnh Khánh Hòa*

**\* Nhà máy nước Tháp Chàm**

*Địa chỉ: Số 914 đường 21 tháng 8, phường Đô Vinh, tỉnh Khánh Hòa*

**\* Nhà máy nước Phước Dân**

*Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Ninh Phước, tỉnh Khánh Hòa.*

**\* Nhà máy nước Tân Sơn**

*Địa chỉ: Số 02 Lý Tự Trọng, xã Ninh Sơn, tỉnh Khánh Hòa.*

**\* Điểm Giao dịch Ninh Hải**

*Địa chỉ: 318 Trường Chinh, phường Ninh Chữ, tỉnh Khánh Hòa.*

**\* Điểm Giao dịch Cà Ná**

*Địa chỉ: Thôn Lạc Nghiệp, xã Cà Ná, tỉnh Khánh Hòa.*

**\* Điểm Giao dịch Sơn Hải**

*Địa chỉ: Thôn Từ Thiện, xã Phước Dinh, tỉnh Khánh Hòa.*

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 54 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

**Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty**

1. Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật là Giám đốc Công ty.

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật như sau:

- Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

- Ủy quyền cho người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty, nhưng người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm pháp lý về việc ủy quyền này. Đồng thời những người được ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước người đại diện theo pháp luật và trước Pháp luật về các công việc được ủy quyền. Người được ủy quyền chỉ được thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi được ủy quyền. Văn bản ủy quyền phải quy định rõ nội dung và thời hạn hiệu lực của việc ủy quyền.

Trường hợp hết thời hạn ủy quyền khi người đại diện theo pháp luật của Công ty xuất cảnh khỏi Việt Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Luật doanh nghiệp mà chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

- Quản lý con dấu theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, quy định nội bộ Công ty.

### III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước <i>Chi tiết: Sản xuất và phân phối nước sạch cho sinh hoạt và sản xuất</i>	3600 (Chính)
2	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan <i>Chi tiết:</i> - Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật mạng lưới cấp nước - Khảo sát địa hình xây dựng công trình - Thiết kế công trình cấp, thoát nước - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình cấp nước	7110
3	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí <i>Chi tiết: Thi công lắp đặt đường ống cấp nước</i>	4322
4	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
5	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng <i>Chi tiết: Kinh doanh vật tư phục vụ cho lắp đặt và sử dụng nước</i>	4673

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là: Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển các hoạt động kinh doanh và dịch vụ nhằm mục tiêu thu lợi nhuận đồng thời phát triển kinh tế xã hội; tạo việc làm ổn định, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao đời sống của người lao động trong Công ty; đảm bảo lợi ích cho các cổ đông và làm tròn nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước; đảm bảo sản xuất, cung ứng các sản phẩm, dịch vụ có chất lượng, thường xuyên và ổn định.

3. Nếu bất kỳ lĩnh vực kinh doanh hoặc mục tiêu nào cần phải có sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền/ ngành nghề kinh doanh có điều kiện thì Công ty chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt/ khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định pháp luật.

#### **Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty**

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

### **IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN**

#### **Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần**

1. Vốn điều lệ của Công ty là **94.908.414.916** đồng (*Bằng chữ: Chín mươi bốn tỷ, chín trăm linh tám triệu, bốn trăm mười bốn nghìn, chín trăm mười sáu đồng*).

2. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 9.490.841 cổ phần (Bằng chữ: Chín triệu, bốn trăm chín mươi nghìn, tám trăm bốn mươi một cổ phần) với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (Mười ngàn đồng một cổ phần).

3. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

4. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

5. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

## **Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu**

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với phần vốn cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

## **Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

## **Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó trở thành cổ đông của Công ty. Người thừa kế có trách nhiệm thực hiện các thủ tục sang nhượng cổ phần theo quy định Công ty và quy định pháp luật.

4. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.



## **Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)**

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

## **V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

### **Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát**

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Giám đốc.

## **VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **Điều 12. Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

d) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Các quyền đối với các loại cổ phần khác (nếu có) theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này.

### **Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty; chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

Trường hợp thực hiện biểu quyết theo hình thức này, cổ đông công nhận các kết quả đăng ký dự họp, kết quả bỏ phiếu đã thực hiện và có trách nhiệm tuân thủ các nghĩa vụ liên quan đến việc dự họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử/hình thức điện tử khác theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các quy định khác có liên quan (nếu có).

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty, quy chế bầu cử.

3. Thanh toán đủ và đúng hạn số cổ phần cam kết mua.

4. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

7. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Các nghĩa vụ khác đối với các loại cổ phần khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

#### **Điều 14. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

Đại hội đồng cổ đông thường niên, bất thường có thể tổ chức theo hình thức Đại hội trực tiếp hoặc Đại hội trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức. Hình thức tổ chức mỗi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ do người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quyết định và thông báo cho cổ đông tại thông báo triệu tập Đại hội.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và văn bản khác của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;
- b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy

định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

### **Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại, trừ trường hợp pháp luật không bắt buộc phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, Điều lệ này và các quy chế nội bộ khác của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;
- đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;
- l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
- n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại, trừ trường hợp pháp luật không bắt buộc phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất;
- s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 84 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy chế nội bộ khác của Công ty.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Các cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật hoặc có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu biểu quyết được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

4. Việc ủy quyền trong trường hợp Đại hội đồng cổ đông có tổ chức theo hình thức trực tuyến và/hoặc có bỏ phiếu điện tử/hình thức điện tử khác sẽ thực hiện theo hướng dẫn tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các quy định khác có liên quan (nếu có).

### **Điều 17. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu



quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

### **Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên số đăng ký cổ đông, số đăng ký người sở hữu chứng khoán của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

- c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch và Hệ thống trực tuyến trong trường hợp có tổ chức bỏ phiếu điện tử. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;



c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

### **Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 51% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

### **Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một phiếu biểu quyết hoặc/và thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ

tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp trong trường hợp dự họp theo hình thức trực tiếp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

6. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 5 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc chủ tọa cuộc họp có quyền:

a) Yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh ra khỏi đại hội.

8. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

9. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông tổ chức theo hình thức trực tuyến hoặc kết hợp cả hình thức trực tiếp và trực tuyến, cách thức đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử/hình thức điện tử khác để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các quy định khác có liên quan (nếu có).

**Điều 21. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua**

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, khoản 8 Điều 22 Điều lệ này và khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 75% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, khoản 3 Điều này, khoản 8 Điều 22 Điều lệ này và khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

### **Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, ngoài các vấn đề được quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

- e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Trường hợp Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có thực hiện theo hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác: nội dung Phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản không bao gồm điểm g khoản này; hình thức Phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các quy định khác có liên quan (nếu có).

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác: thực hiện trong trường hợp Hội đồng quản trị có tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Trong trường hợp này, việc gửi Phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các quy định khác có liên quan (nếu có);

d) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử, bỏ phiếu điện tử/các hình thức điện tử khác là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 23. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và biên bản bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được áp dụng.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và có thể gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

5. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

#### **Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này;

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

### **VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên, thông tin liên quan đến các ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của

Công ty đề cử cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của các công ty khác);
- đ) Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và quy chế bầu cử;
- g) Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích liên quan tới Công ty của ứng viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng cử viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

## **Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

3. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a) Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

4. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 điều này.

6. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay thế, nhận đơn từ chức của thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

7. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

## **Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác và quyết định mức lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác của họ; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

c) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý, người điều hành khác;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

đ) Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

e) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

g) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

h) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

i) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

k) Quyết định giá bán cổ phần, trái phiếu của Công ty;

l) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán, báo cáo tình hình quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

m) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

n) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

o) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

p) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

q) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

r) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị.

Để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc và người điều hành khác trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và các đơn vị của Công ty. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được thực hiện theo quy định nội bộ của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

### **Điều 28. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Công ty có quyền trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được nhận tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị dự tính mức chi tiền lương, thù lao, thưởng cho từng thành viên theo quy định của Chính phủ về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần có vốn chi phối của Nhà nước và các quy chế nội bộ của công ty. Tổng mức tiền lương, thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

3. Tiền lương, thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực

hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

### **Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc Công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

### **Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử

Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty và các quy chế quản trị nội bộ Công ty quy định.

Đề nghị quy định tại khoản này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp Hội đồng quản trị chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải xác định cụ thể thời gian, địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định, kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị trở lên dự họp.

Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp

nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

### 13. Biểu quyết

a) Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 11 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

c) Theo quy định tại điểm b khoản này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết thì phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

14. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết, quyết định trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu ngang bằng nhau, thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

15. Nghị quyết, quyết định theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

16. Biên bản họp của Hội đồng quản trị phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật doanh nghiệp. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản, trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Công ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

### **Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty**

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại Công ty. Người

phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị.

## VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

### Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

### Điều 33. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm bằng nghị quyết/quyết định trong đó ghi nhận rõ là Người điều hành doanh nghiệp.

2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn

phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương, thưởng, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

#### **Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc. Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ký hợp đồng với Giám đốc trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Tiền lương của Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

b) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

c) Quyết định các khoản đầu tư, giao dịch mua bán tài sản có giá trị không quá 5 tỷ đồng;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ

và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

e) Tuyển dụng lao động;

g) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

h) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;

i) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

k) Hằng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

l) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

### **Điều 35. Thư ký Công ty**

Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định Pháp luật hiện hành về lao động. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

1. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

2. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

3. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

4. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

5. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

6. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định nội bộ Công ty.

## **IX. BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)**

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều lệ này và quy định sau đây:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên; và từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

### **Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát**

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 (ba) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, quy định nội bộ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nghiêm trọng, vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

### **Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát**

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông;

d) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ của Công ty.

### **Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông: Phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung, thay thế – nếu có).

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

#### **Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát trở lên dự họp. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

#### **Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát**

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quy định của Chính phủ về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh

nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

## **X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

### **Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

11/01/2019

b) Đối với những hợp đồng, giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

6. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

#### **Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

### **XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

#### **Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

## XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

**Điều 45. Công nhân viên và công đoàn, hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị xã hội khác**

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, ... trong Công ty hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, Pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức mình phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Công ty có nghĩa vụ tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức nói trên.

3. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

4. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

### **XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

#### **Điều 46. Phân phối lợi nhuận**

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam).
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận, cách quản lý và sử dụng các quỹ được thực hiện theo quy định của pháp luật và các quy chế nội bộ của Công ty.

### **XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

#### **Điều 47. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

**Điều 48. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

**Điều 49. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

**XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN****Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý**

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

**Điều 51. Báo cáo thường niên**

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

**XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY****Điều 52. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán

báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

## **XVII. DẤU CỦA CÔNG TY**

### **Điều 53. Dấu của Công ty**

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY**

### **Điều 54. Giải thể Công ty**

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

### **Điều 55. Thanh lý**

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý

thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Nợ thuế;
- d) Các khoản nợ khác của Công ty;
- đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

## **XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

### **Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu một bên thứ ba độc lập chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

## XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

### Điều 57. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## XXI. NGÀY HIỆU LỰC

### Điều 58. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 Mục 58 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận nhất trí thông qua ngày 26 tháng 6 năm 2026 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. Điều lệ này sẽ có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế bản Điều lệ đã sửa đổi lần 7 tại Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, thông qua ngày 27 tháng 04 năm 2022.

2. Điều lệ được lập thành 06 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị./.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



NGUYỄN QUỐC QUYỀN

Khánh Hòa, ngày 26 tháng 6 năm 2026

## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Căn cứ Luật Chứng khoán được hợp nhất theo văn bản số 24/VBHN-VPQH được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/02/2025;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022; Luật số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp Nước Ninh Thuận;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 294/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 6 năm 2026;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp Nước Ninh Thuận.

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Cấp Nước Ninh Thuận bao gồm các nội dung sau:

### Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.



2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và những người liên quan.

## **Điều 2. Giải thích thuật ngữ**

1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. **“Công ty”** là Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận.

b. **“Quản trị công ty”** là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận.

Các nguyên tắc quản trị công ty bao gồm:

- Cơ cấu quản trị hợp lý, hiệu quả;
- Bảo đảm quyền của cổ đông;
- Đối xử bình đẳng giữa các cổ đông;
- Bảo đảm vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong việc hỗ trợ hoạt động quản trị công ty;
- Tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị công ty;
- Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của Công ty; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng;
- Bảo đảm hiệu quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát; nâng cao trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với công ty và cổ đông.

c. **“Đại hội đồng cổ đông”** là cơ quan quyền lực cao nhất của công ty và sẽ không bị giới hạn hoặc bị ảnh hưởng bởi các quyền của Hội đồng Quản trị theo Điều lệ công ty và thực hiện tất cả các quyền hạn của công ty.

d. **“Hội đồng Quản trị”** là cơ quan quản lý công ty và được điều chỉnh bởi các chuẩn mực cao nhất về quản trị, điều hành doanh nghiệp và chịu trách nhiệm quản lý công ty vì các quyền lợi tốt nhất cho tất cả các cổ đông. Trong đó Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và luật pháp về các quyền hạn và nghĩa vụ được giao phó.

đ. **“Người điều hành doanh nghiệp”** bao gồm các vị trí Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm bằng nghị quyết/quyết định trong đó ghi nhận rõ là Người điều hành doanh nghiệp;

e. **“Ban Kiểm soát”** là cơ quan chịu trách nhiệm giám sát tình hình hoạt động Công ty và tình hình quản lý Công ty.

g. **“Người có liên quan”** là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán và khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.

*h. “Luật Doanh nghiệp”* là Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022; Luật số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

*i. “Luật Chứng khoán”* là Luật Chứng khoán được hợp nhất theo văn bản số 24/VBHN-VPQH được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 02 năm 2025;

*k. “NĐ 155/2020/NĐ-CP”* là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

*l. “Hệ thống trực tuyến”* là ứng dụng/hệ thống phần mềm/website mà Công ty sử dụng để phục vụ việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và/hoặc bỏ phiếu điện tử.

*m. “Bỏ phiếu điện tử”* là việc cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông thực hiện biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc tại đợt lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo hình thức bỏ phiếu trên Hệ thống trực tuyến.

*n. “Bỏ phiếu trực tiếp”* là việc cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông tham gia biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời bằng văn bản về Công ty hoặc theo các hình thức khác được quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và quy định pháp luật mà không phải hình thức bỏ phiếu điện tử.

2. Các định nghĩa chưa được nêu trong Quy chế này sẽ được áp dụng theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

3. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

## **Chương II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 15 Điều lệ Công ty.

### **Mục 1**

**Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

**Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông**

Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo

các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty. Cụ thể như sau:

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên: Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ công ty có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ Công ty .

#### **Điều 4. Nhân sự Đại Hội đồng cổ đông**

##### **1. Chủ tọa và đoàn Chủ tọa:**

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại Hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại Hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại Hội đồng cổ đông điều hành để Đại Hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;

d. Chủ tọa cuộc họp Đại Hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

đ. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

- Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

- Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

e. Một số quyền và nghĩa vụ khác của Chủ tọa theo quy định của luật hiện hành.

g. Đoàn Chủ tọa gồm 01 Chủ tọa và các thành viên.

h. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:

- Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình dự kiến của Hội đồng quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;

- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết; ...

- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;

- Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình đại hội.

i. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tọa: Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

## 2. Thư ký đại hội:

a. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

b. Nhiệm vụ của Thư ký đại hội:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;
- Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của cổ đông/Đại biểu;
- Lập biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ công ty;
- Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ tọa.

**3. Ban kiểm tra tư cách cổ đông:**

a. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm trong Ban kiểm tra tư cách cổ đông phục vụ cuộc họp. Ban kiểm tra tư cách cổ đông bao gồm 01 Trưởng ban và các thành viên.

b. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông:

- Thẩm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội;
- Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông/đại diện theo ủy quyền có quyền dự họp đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên tham dự thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành;
- Ban kiểm tra tư cách cổ đông phải lập biên bản kiểm tra tư cách cổ đông, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông khi thực hiện nhiệm vụ của mình.

**4. Ban kiểm phiếu:**

a. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b. Nhiệm vụ của ban kiểm phiếu:

- Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết;
- Kiểm và nghi nhận phiếu biểu quyết; lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết
- Thông báo kết quả biểu quyết cho Thư ký Đại hội;
- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

**Điều 5. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng

ký cuối cùng. Việc công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông, sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

4. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.

#### **Điều 6. Thông báo triệu tập, chương trình họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch và đăng trên Hệ thống trực tuyến trong trường hợp có tổ chức bỏ phiếu điện tử.

2. Thông báo mời họp được gửi đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).

3. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi kèm theo thông báo mời họp cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty và Hệ thống trực tuyến trong trường hợp có tổ chức bỏ phiếu điện tử. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp

cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

#### **Điều 7. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 3 Quy chế này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 3 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 3 Điều này;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ công ty;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 3 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

### **Điều 8. Ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Các cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật hoặc có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu biểu quyết được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

### **Điều 9. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:



a. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo tổ chức Đại hội đồng cổ đông, bao gồm một trong các cách thức sau: đăng ký trực tiếp, qua điện thoại, fax, gửi thư hoặc gửi thư điện tử cho Công ty trước thời hạn ghi trong thư mời họp Đại hội đồng cổ đông; đăng ký trực tuyến (nếu Công ty có tổ chức hình thức này) theo cách thức đăng ký cụ thể được hướng dẫn tại Thông báo mời họp;

b. Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:

- Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;

- Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu biểu quyết được ủy quyền cho mỗi người đại diện;

- Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

- Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;

- Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

- Các hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với quy định của pháp luật.

## 2. Vào ngày tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:

Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một phiếu biểu quyết hoặc/và thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

### **Điều 10. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 51% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

### **Điều 11. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty.

### **Điều 12. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông**

1. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
2. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
3. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
4. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;
5. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
6. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
7. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
8. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
9. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
10. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
11. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

12. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
13. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
14. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
15. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
16. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại, trừ trường hợp pháp luật không bắt buộc phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
17. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất;
18. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 84 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
19. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
20. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ khác của Công ty.

### **Điều 13. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội**

#### **1. Nguyên tắc chung**

a. Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.

b. Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết và Phiếu bầu cử được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự Đại hội đồng cổ đông). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử. Trên Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử có ghi rõ mã số tham dự, họ và tên của cổ đông; họ và tên người được ủy quyền (nếu có) và số cổ phần biểu quyết của cổ đông đó.

#### **2. Quy định về tính hợp lệ của Thẻ biểu quyết, Phiếu bầu cử**

##### **a. Thẻ biểu quyết**

- Thẻ biểu quyết hợp lệ: là thẻ được in sẵn do Công ty phát hành; không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát, . . . không ghi thêm nội dung, thông tin, ký hiệu khác ngoài quy định cho thẻ này và có chữ ký, dưới chữ ký phải có đủ họ tên của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu.

Trên Thẻ biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chéo hoặc tích (X hoặc ✓) vào một (01) trong ba (03) ô Tán thành hoặc Không Tán thành hoặc Không có ý kiến của từng nội dung được nêu trong Thẻ biểu quyết.

- Thẻ biểu quyết không hợp lệ là thẻ có nội dung không đúng theo các quy định của Thẻ biểu quyết hợp lệ.

#### b. Phiếu bầu cử

- Phiếu bầu cử hợp lệ: là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do Công ty phát hành không tẩy xóa, cạo sửa, không ghi thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu.

- Phiếu bầu cử không hợp lệ:

- + Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu bầu cử hợp lệ;
- + Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;
- + Các quy định khác theo quy chế bầu cử.

### **Điều 14. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết**

#### 1. Nguyên tắc chung

Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ phiếu, bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

#### 2. Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết

Khi tiến hành đăng ký tham dự Đại hội, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông Phiếu biểu quyết hoặc/và Thẻ biểu quyết, trên đó ghi mã số tham dự, họ và tên của cổ đông và số cổ phần biểu quyết của cổ đông đó.

Tùy theo nội dung vấn đề cần lấy ý kiến của cổ đông, chủ tọa có thể sử dụng cách thức biểu quyết phù hợp.

##### a. Cách thức biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết:

Cổ đông biểu quyết bằng cách giơ Phiếu biểu quyết theo sự điều khiển của Chủ tọa đoàn để lấy ý kiến biểu quyết: Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến.

##### b. Cách thức biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết:

- Cổ đông biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết đối với các nội dung chính của Đại hội (trừ các vấn đề đã được biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết) bằng cách đánh dấu chéo hoặc tích (x hoặc ✓) vào ô Tán thành hoặc Không tán thành hoặc Không có ý kiến của từng nội dung được nêu trong Thẻ biểu quyết.

- Trong một Thẻ biểu quyết, các nội dung cần lấy ý kiến được biểu quyết độc lập với nhau. Sự không hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này sẽ không ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung khác.

- Trường hợp cổ đông biểu quyết nhằm hoặc thẻ biểu quyết không còn nguyên vẹn: nếu chưa hết thời gian biểu quyết, cổ đông có thể liên hệ với Ban tổ chức để được cấp lại Thẻ biểu quyết mới và phải nộp lại Thẻ biểu quyết cũ.

c. Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội nhưng không thể có mặt đến hết chương trình Đại hội, cổ đông đó phải gửi lại Thẻ biểu quyết/phiếu bầu cử đã biểu quyết các vấn đề cần lấy ý kiến cho Ban tổ chức trước khi ra về. Nếu cổ đông nào không gửi lại Thẻ biểu quyết/phiếu bầu cử cho Ban tổ chức, Ban kiểm phiếu xem như cổ đông đó không bỏ phiếu đối với các vấn đề cần lấy ý kiến.

d. Thời gian bắt đầu và kết thúc việc bỏ phiếu do Chủ tọa hoặc Trưởng ban kiểm phiếu thông báo tại Đại hội.

### **Điều 15. Cách thức bỏ phiếu bầu cử**

#### 1. Nguyên tắc chung

- Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

- Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.

#### 2. Cách thức bỏ phiếu bầu cử theo phương thức dồn phiếu

- Mỗi đại biểu tham dự có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu;

- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

- Trường hợp phát sinh thêm ứng cử viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);

- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu mới và phải nộp phiếu cũ;

- Cách ghi phiếu bầu cử: Mỗi đại biểu được phát các phiếu bầu, cách ghi các phiếu bầu cụ thể như sau:

+ Nếu chia đều tổng số phiếu cho từng ứng cử viên, đại biểu đánh dấu chéo hoặc tích (x hoặc ✓) vào ô ứng viên được chọn;

+ Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho từng ứng cử viên, đại biểu viết số phiếu bầu cụ thể vào ô ứng viên tương ứng;

+ Nội dung khác theo quy định tại quy chế bầu cử.

- Nguyên tắc trúng cử:

+ Người trúng cử được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên theo quy định;

+ Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

### **Điều 16. Cách thức kiểm phiếu**

#### 1. Đối với biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết

Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập thông kê số phiếu Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến của Đại hội đồng cổ đông đối với từng vấn đề biểu quyết để báo cáo Chủ tọa đoàn và công bố trước Đại hội.

#### 2. Đối với biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết

a. Ban kiểm phiếu phải tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước khi bỏ phiếu với sự chứng kiến của các cổ đông;

b. Việc bỏ phiếu bắt đầu từ khi có thông báo của Trưởng Ban kiểm phiếu và kết thúc khi không còn cổ đông nào bỏ phiếu biểu quyết vào thùng phiếu;

c. Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;

d. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập Biên bản thông kê số phiếu Tán thành hoặc Không tán thành hoặc Không có ý kiến của Đại hội đồng cổ đông đối với từng vấn đề biểu quyết để báo cáo Chủ tọa đoàn;

e. Kết quả kiểm phiếu phải được thể hiện trong Biên bản kiểm phiếu và được Chủ tọa công bố trước Đại hội.

3. Trường hợp Công ty tổ chức biểu quyết theo nhiều hình thức (bỏ phiếu truyền thống, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác), việc tổng hợp kết quả kiểm phiếu được thực hiện như sau:

a. Tại thời điểm kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ tổng hợp kết quả bỏ phiếu truyền thống và/hoặc kết quả bỏ phiếu điện tử để lập Biên bản kiểm phiếu và/hoặc Biên bản bầu cử.

b. Kết quả kiểm phiếu sẽ được tính bằng tổng kết quả biểu quyết bỏ phiếu truyền thống và/hoặc kết quả biểu quyết bỏ phiếu điện tử.

### **Điều 17. Điều kiện để nghị quyết được thông qua**

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, khoản 8 Điều 22 Điều lệ công ty và khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 75% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết tại cuộc họp tán thành:

a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
  - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
  - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
  - e. Tổ chức lại, giải thể Công ty.
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, khoản 3 Điều này, khoản 8 Điều 22 Điều lệ công ty và khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
3. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

#### **Điều 18. Thông báo kết quả kiểm phiếu**

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

#### **Điều 19. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

2. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các

trường hợp sau:

a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật Doanh nghiệp.

b. Nội dung nghị quyết vi phạm quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

### **Điều 20. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Tổng hợp số phiếu bầu cử của từng ứng viên (nếu có);
- i. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

k. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và biên bản bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được áp dụng.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên

trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty, đồng thời báo cáo đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán nơi Công ty niêm yết/đăng ký giao dịch trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và có thể gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

#### **Điều 21. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông**

1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin trên website của Công ty, đồng thời báo cáo đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán nơi Công ty niêm yết/ đăng ký giao dịch trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông .

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày quyết định được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

### **Mục 2**

#### **Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản**

**Điều 22. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản**

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến của cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty theo quy định tại Điều lệ công ty.

2. Các trường hợp không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

Ngoại trừ các vấn đề bắt buộc phải thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có quyền tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông vì lợi ích của công ty.

#### **Điều 23. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản**

1. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền

biểu quyết tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 6 Quy chế này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e. Phương án bầu cử (nếu có);

g. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

h. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

5. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

**Điều 24. Kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu và thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản**

1. Kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu.



Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

## 2. Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu

a. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi nghị quyết và biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

b. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

## 3. Lưu giữ tài liệu

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

**Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản**

Thực hiện theo khoản 2 Điều 19 Quy chế này và Điều lệ công ty.

### Mục 3

## Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến

### Điều 26. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện theo Điều 6 của Quy chế này. Ngoài các quy định tại Điều 6 của Quy chế này, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có nghĩa vụ chuẩn bị thêm tài liệu hướng dẫn cho các cổ đông đăng ký và tham dự họp trực tiếp.

### Điều 27. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm:

#### 1. Điều kiện tham dự

- Có tên trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo thông báo mời họp của Công ty;
- Đại diện ủy quyền đủ điều kiện tham dự theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Cổ đông phải đáp ứng các điều kiện để truy nhập và biểu quyết trên Hệ thống trực tuyến: có thiết bị kết nối internet và thực hiện thủ tục xác thực cổ đông (máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác, ...).

#### 2. Cách thức đăng ký

- Cổ đông sẽ thực hiện đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến theo tài liệu hướng dẫn của Ban tổ chức Đại hội đã được gửi cho cổ đông hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty. Cổ đông thực hiện truy cập vào đường dẫn do Ban tổ chức Đại hội công bố và thực hiện kê khai, xác thực tư cách cổ đông để tham dự họp.
- Mỗi cổ đông sẽ được cung cấp một tài khoản truy cập và mật khẩu để đăng nhập vào Hệ thống trực tuyến. Tài khoản truy cập của cổ đông sẽ được mã hóa để đảm bảo xác thực tư cách cổ đông tham dự. Công ty thông báo cho cổ đông tài khoản truy cập và mật khẩu tại Thông báo mời họp.
- Các cổ đông đăng ký dự họp theo hình thức trực tuyến sẽ được xác thực tư cách tham dự Đại hội đồng cổ đông và được xem là có mặt tại Đại hội nếu đã tuân thủ đúng, đầy đủ các trình tự, cách thức mà Hệ thống trực tuyến yêu cầu để xác thực tư cách cổ đông và đăng ký tham dự.
- Cổ đông muốn tham dự họp thông qua Hệ thống trực tuyến phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và có nghĩa vụ:

+ Bảo mật các thông tin liên quan đến tài khoản truy cập như: tên, các yếu tố định danh khác (nếu có) của tài khoản truy cập và mật khẩu đăng nhập để đảm bảo rằng chỉ có cổ đông mới có quyền thực hiện việc dự họp trên Hệ thống



trực tuyến, trừ trường hợp cung cấp cho người đại diện theo ủy quyền dự họp của cổ đông. Cổ đông có trách nhiệm bảo đảm người đại diện theo ủy quyền sẽ tuân thủ quy định tại khoản này tương tự như cổ đông.

+ Chịu trách nhiệm về mọi rủi ro, tranh chấp liên quan đến việc dự họp thực hiện bằng tài khoản truy cập của cổ đông trên Hệ thống trực tuyến. Việc thực hiện dự họp và biểu quyết trên Hệ thống trực tuyến bằng tên truy cập với đúng mật khẩu và/hoặc các yếu tố định danh khác sẽ được mặc nhiên coi là ý chí của cổ đông.

+ Phải thường xuyên cập nhật thông tin số điện thoại, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thư điện tử chính xác, đầy đủ, trung thực tại nơi lưu ký chứng khoán để đảm bảo nhận được thông báo tài khoản truy cập và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.

**Điều 28. Việc ủy quyền cho người đại diện dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến**

1. Cổ đông thực hiện ủy quyền theo quy định tại Điều 8 Quy chế này
2. Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội trực tuyến theo các quy định sau đây:

- Phải có/nộp Giấy ủy quyền hợp lệ trước khi dự họp;
- Hình thức ủy quyền

+ Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo quy định pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

+ Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

- Hình thức ủy quyền khác do Hội đồng quản trị quyết định và thông báo cho cổ đông cùng với tài liệu Đại hội.

**Điều 29. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông trực tuyến**

Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện theo quy định tại Điều 10 Quy chế này.

**Điều 30. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến**

Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức bỏ phiếu điện tử

### **Điều 31. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến**

1. Mỗi cổ đông đăng nhập vào Hệ thống trực tuyến thông qua tài khoản truy cập mà cổ đông được cung cấp tại Thông báo mời họp và thực hiện bỏ phiếu trên Hệ thống trực tuyến. Hướng dẫn cụ thể việc thực hiện bỏ phiếu điện tử sẽ được quy định tại Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông hoặc Hướng dẫn sử dụng Hệ thống trực tuyến.

Khi thực hiện bỏ phiếu điện tử trên Hệ thống trực tuyến, cổ đông phải tuân thủ các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 27 Quy chế này.

- Cổ đông thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử thông qua hình thức bỏ phiếu điện tử tại Hệ thống trực tuyến như sau:

+ Biểu quyết thông qua các nội dung về thủ tục tổ chức cuộc họp và các quyết định của Đại hội đồng cổ đông: cổ đông thực hiện theo hướng dẫn tại phần Biểu quyết trên Hệ thống trực tuyến.

+ Đối với nội dung bầu cử Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát: thực hiện theo hướng dẫn tại phần Bầu cử trên Hệ thống trực tuyến theo phương thức quy định tương tự như bầu cử trực tiếp.

- Cổ đông có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử hoặc có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung cho những nội dung phát sinh. Kết quả bỏ phiếu điện tử/hình thức điện tử khác chỉ ghi nhận kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng của cổ đông tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu do Ban kiểm phiếu thông báo tại Đại hội đồng cổ đông. Kể từ thời điểm kết thúc bỏ phiếu đối với từng nội dung xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông, Hệ thống trực tuyến sẽ được khóa lại và cổ đông không thể thực hiện biểu quyết, bầu cử đối với nội dung đã bị khóa.

- Thời gian cổ đông có thể bắt đầu truy cập Hệ thống trực tuyến để thực hiện bỏ phiếu điện tử sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và thông báo cho cổ đông cùng với tài liệu Đại hội.

- Việc bỏ phiếu điện tử có thể thực hiện trước khi Đại hội đồng cổ đông diễn ra và/hoặc theo diễn tiến tại Đại hội đồng cổ đông theo quyết định của Hội đồng quản trị.

- Việc ủy quyền bỏ phiếu điện tử của cổ đông (nếu có) sẽ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Quy chế này.

### **Điều 32. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến**

Khi Đại biểu thực hiện biểu quyết/bầu cử, số phiếu biểu quyết, phiếu bầu đều được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc số biểu quyết tán thành, biểu quyết không tán thành và biểu quyết không ý kiến

Tại thời điểm kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ tổng hợp kết quả bỏ phiếu điện tử để lập Biên bản kiểm phiếu và/hoặc Biên bản bầu cử.

### **Điều 33. Thông báo kết quả kiểm phiếu hội nghị trực tuyến**

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

phiếu của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

**Điều 34. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Quy chế này.
2. Địa điểm tổ chức được ghi trong biên bản Đại hội đồng cổ đông trực tuyến là địa điểm của Chủ tọa Đại hội có mặt để điều khiển Đại hội. Địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam.
3. Hình thức thông qua biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể tại Quy chế tổ chức Đại hội.

**Điều 35. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông**

Thực hiện theo Điều 21 Quy chế này

**Mục 4**

**Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến**

**Điều 36. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông**

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 và Điều 26 Quy chế này.

**Điều 37. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông**

Thực hiện theo quy định tại Điều 9 và Điều 27 Quy chế này

**Điều 38. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông**

Thực hiện theo quy định tại Điều 8 và Điều 28 Quy chế này

**Điều 39. Điều kiện tiến hành**

Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Quy chế này

**Điều 40. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Thực hiện theo quy định tại Điều 11 và Điều 30 Quy chế này

**Điều 41. Cách thức bỏ phiếu**

Thực hiện theo quy định tại Điều 14, Điều 15 và Điều 31 Quy chế này

**Điều 42. Cách thức kiểm phiếu**

Thực hiện theo quy định tại Điều 16 và Điều 32 Quy chế này.

**Điều 43. Thông báo kiểm phiếu**

Thực hiện theo quy định tại Điều 18 và Điều 33 Quy chế này

**Điều 44. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

Thực hiện theo quy định tại Điều 20 và Điều 34 Quy chế này

**Điều 45. Công bố Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Thực hiện theo quy định tại Điều 21 Quy chế này.

**Chương III:  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ****Mục 1****Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị,  
trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị****Điều 46. Vai trò, quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị hoạt động theo nguyên tắc tập thể và phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.

1. Hội đồng quản trị có quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định tại Điều 27, Điều 28 Điều lệ công ty, Điều 153, Điều 167 Luật Doanh nghiệp. Ngoài ra, Hội đồng quản trị có trách nhiệm và nghĩa vụ theo Điều 278 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ, cụ thể như sau:

- a. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của công ty;
- b. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty;
- c. Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty;
- d. Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty;
- đ. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;
- e. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định tại Điều 270 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- g. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;
- h. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty;

i. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 280 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

k. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế quản trị này, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

**Điều 47. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan, Điều lệ công ty và Quy chế này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định tại Điều 27 Điều lệ công ty. Ngoài ra, thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm và nghĩa vụ theo Điều 277 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ, cụ thể như sau:

a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc và người điều hành khác trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và các đơn vị của Công ty. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được thực hiện theo quy định cụ thể tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;

d. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

đ. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.

g. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và pháp luật hiện hành.

**Mục 2**  
**Quy định về đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm**  
**và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

**Điều 48. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người;
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:
  - a. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị;
  - b. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp và Điều 26 Điều lệ công ty;
  - c. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay thế, nhận đơn từ chức của thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
  - d. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
  - e. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm Giám đốc công ty.

**Điều 49. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị**

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp, cụ thể như sau:

- a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp và khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp;
- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác;
- d. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty;
- e. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ công ty, Quy chế khác của Công ty theo từng thời điểm.

### **Điều 50. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Việc đề cử số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị tùy theo tỷ lệ số cổ phần cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết như sau:

a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông theo các tỷ lệ dưới đây được đề cử thành viên Hội đồng quản trị:

- Từ 5% đến dưới 10% được đề cử tối đa một (01) ứng cử viên;
- Từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên;
- Từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên;
- Từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên;
- Từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên;
- Từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên;
- Từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên;
- Từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng cử viên.

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm a khoản 1 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng cử viên đáp ứng tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ công ty hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định hoặc được Đại hội đồng cổ đông thông qua hoặc tổ chức đề cử theo cách thức mà Hội đồng quản trị xét thấy phù hợp với đặc điểm Công ty. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật.

### **Điều 51. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị**

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội

đồng quản trị, cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Việc xem xét người trúng cử được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

2. Trong trường hợp chỉ có bầu bổ sung một thành viên Hội đồng quản trị và có hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau, Đại hội đồng cổ đông sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

3. Trong trường hợp số ứng cử viên bằng đúng số thành viên Hội đồng quản trị cần bầu, Đại hội đồng cổ đông có thể thực hiện bầu bổ sung theo phương thức biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết thay cho Phiếu bầu. Việc này sẽ được tiến hành trong trường hợp Đại hội đồng cổ đông đồng ý phương thức như trên.

### **Điều 52. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- a. Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 49 Quy chế này;
- b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên Hội đồng quản trị quy định tại khoản 1 Điều 48 Quy chế này. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3);

**Điều 53. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán.

**Điều 54. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thông tin liên quan đến các ứng cử viên Hội đồng quản trị (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng cử viên) phải được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến các ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- Họ tên, ngày tháng năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của các công ty khác);
- Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại quy chế bầu cử.

2. Các ứng cử viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông muốn đề cử người hoặc ứng cử vào thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 1 Điều 50 Quy chế này phải nộp đầy đủ văn bản theo quy định của Công ty tại từng thời điểm, như Giấy đề cử/ ứng cử, Sơ yếu lý lịch ứng cử viên...

**Điều 55. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc Công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

### Mục 3

#### Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

##### **Điều 56. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Công ty có quyền trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được nhận tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị dự tính mức chi tiền lương, thù lao, thưởng cho từng thành viên theo quy định của Chính phủ về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần có vốn chi phối của Nhà nước và các quy chế nội bộ của công ty. Tổng mức tiền lương, thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

3. Tiền lương, thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.



4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

#### **Mục 4**

#### **Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị**

##### **Điều 57. Số lượng cuộc họp tối thiểu**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.

##### **Điều 58. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d. Trường hợp khác do Điều lệ Công ty và các quy chế quản trị nội bộ Công ty quy định.

2. Đề nghị tại khoản 1 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

**Điều 59. Thông báo họp Hội đồng quản trị và quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp Hội đồng quản trị chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải xác định cụ thể thời gian, địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định, kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

2. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

**Điều 60. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị**

1. Cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

2. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản 1 không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

**Điều 61. Cách thức biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều 157 Luật Doanh nghiệp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác quy định tại Quy chế này và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

2. Trừ quy định khoản 3 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định pháp luật liên quan và Điều lệ công ty.

4. Theo quy định tại khoản 3 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà thành viên Hội đồng quản trị đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết thì phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.

#### **Điều 62. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết, quyết định trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Trường hợp số phiếu ngang bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Nghị quyết, quyết định theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

#### **Điều 63. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị**

Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

#### **Điều 64. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị**

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian, địa điểm họp;
- c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

2. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

#### **Điều 65. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị**

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 64 Quy chế này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Công ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.

#### **Điều 66. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị hoặc cá nhân, đơn vị được phân công có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc

và các cá nhân, đơn vị liên quan đến các nội dung tại Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị để biết và thực hiện.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị và Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật và lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

## **Mục 5**

### **Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty**

#### **Điều 67. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty**

Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty.

#### **Điều 68. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty**

Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại Công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

#### **Điều 69. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty**

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định của pháp luật hiện hành về lao động.

#### **Điều 70. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty**

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang Website của Công ty theo trình tự và quy định của Luật hiện hành.

#### **Điều 71. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty**

1. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

2. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

4. Tham dự các cuộc họp;

5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

6. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

7. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

8. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

9. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, Quy chế này và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị.

## **Chương IV: BAN KIỂM SOÁT**

### **Mục 1**

#### **Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát**

##### **Điều 72. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ công ty.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ công ty, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu

362  
TY  
ÂN  
ỐC  
UẬN  
H M

kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông: Phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 73. Trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát**

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

## **Mục 2**

### **Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát**

**Điều 74. Số lượng, nhiệm kỳ, thành phần và cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát**

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
4. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
5. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

**Điều 75. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát**

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
  - a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp và khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp;
  - b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
  - c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
  - d. Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
  - đ. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
  - e. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
  - g. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.
2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

### **Điều 76. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng cử viên Ban kiểm soát. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Việc đề cử số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát tùy theo tỷ lệ số cổ phần cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết như sau:

a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông theo các tỷ lệ dưới đây được đề cử hoặc ứng cử thành viên Ban kiểm soát:

- Từ 5% đến dưới 10% được đề cử tối đa một (01) ứng cử viên;
- Từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên;
- Từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên;
- Từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên;
- Từ 50% đến trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên;

b. Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm a khoản 1 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

### **Điều 77. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát**

1. Việc bầu thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử

viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại khoản 1 Điều 37 Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

**Điều 78. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d. Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

**Điều 79. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;

- d. Các chức danh quản lý khác;
- e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế bầu cử.
- g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

### **Điều 80. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát**

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quy định của Chính phủ về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

## **Chương V: GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

### **Mục 1**

#### **Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc**

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

### **Điều 81. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc**

1. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, chịu trách nhiệm điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

2. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

b. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

c. Quyết định các khoản đầu tư, giao dịch mua bán tài sản có giá trị không quá 5 tỷ đồng;

d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

e. Tuyển dụng lao động;

g. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

h. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;

i. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

j. Hằng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

k. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

### **Mục 2**

### **Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc**

#### **Điều 82. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc**

1. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp và khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp;

b. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;

c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.

### **Điều 83. Ứng cử, đề cử Giám đốc**

Hội đồng quản trị, Ban giám đốc có quyền đề cử ứng viên Giám đốc theo đúng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 82 Quy chế này và trình lên Hội đồng quản trị xem xét khi Công ty có nhu cầu tìm kiếm Giám đốc.

### **Điều 84. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động với Giám đốc**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.

2. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

3. Hội đồng quản trị có thẩm quyền ký kết, chấm dứt hợp đồng và quyết định các điều khoản của hợp đồng lao động được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 27 Điều lệ công ty và Điều 81, 82 Quy chế này.

### **Điều 85. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc**

Sau khi quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang Website của Công ty theo trình tự và quy định của Luật hiện hành.

### **Điều 86. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng**

1. Các Phó Giám đốc giúp Giám đốc trong việc điều hành Công ty theo phân công và ủy quyền của Giám đốc. Ngoài các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều lệ công ty và các quy chế khác, Phó Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau:

a. Tham mưu Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc chỉ đạo, điều hành hoạt động của Công ty;

b. Thực hiện nhiệm vụ được Hội đồng quản trị, Giám đốc giao phó;

c. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Hội đồng quản trị, Giám đốc về các nhiệm vụ được phân công hoặc được giao;

d. Đề xuất ý kiến, biện pháp giải quyết các vấn đề liên quan đến nhiệm vụ được phân công và góp ý để giải quyết các công việc khác liên quan đến tổ chức, hoạt động của Công ty;

e. Khi được ủy quyền thay mặt Giám đốc thực hiện vai trò của Giám đốc, Phó Giám đốc chịu trách nhiệm hoàn toàn trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về các quyết định của mình trong thời gian được ủy quyền và có trách nhiệm báo cáo Giám đốc những vấn đề đã được giải quyết trong thời gian Giám đốc đi vắng.

2. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác tài chính kế toán của Công ty, giúp Giám đốc bảo toàn và phát triển vốn của Công ty; đề xuất các giải pháp và điều kiện tạo nguồn vốn cho nhu cầu sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển Công ty; quản lý, kiểm tra, giám sát công tác tài chính kế toán của Công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán; có các quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Hội đồng quản trị Công ty và pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền. Tiêu chuẩn tuyển chọn Kế toán trưởng Công ty được thực hiện theo Điều 54 của Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 ("**Luật kế toán**") và không thuộc các trường hợp không được làm kế toán quy định tại Điều 52 Luật Kế toán.

3. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng theo đề nghị của Giám đốc Công ty.

4. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng được bổ nhiệm, ký hợp đồng với thời hạn 05 năm và có thể bổ nhiệm, ký hợp đồng lại.

### **Điều 87. Tiền lương và lợi ích khác của Người điều hành Công ty**

Thực hiện theo Điều lệ tổ chức và hoạt động và các quy định nội bộ của Công ty.

## **Chương VI: CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC**

### **Mục 1**

#### **Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc**

**Điều 88. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc**

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo, biên bản họp và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phải được gửi đến Ban kiểm soát và Giám đốc (trong trường hợp Giám đốc cùng tham dự họp) cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

2. Ban kiểm soát, Giám đốc (nếu được yêu cầu) có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận, góp ý kiến nhưng không được biểu quyết.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nếu thấy cần thiết có quyền tham dự các cuộc họp do Giám đốc chủ trì. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền kết luận cuộc họp.

4. Đối với công tác tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Hội đồng quản trị phải thông báo cho Giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực.

5. Ngoài các cuộc họp của Hội đồng quản trị, khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể triệu tập cuộc họp mở rộng định kỳ hoặc bất thường với Ban Kiểm soát, Giám đốc, những người điều hành doanh nghiệp, trưởng các đơn vị trực thuộc và phải được triệu tập ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp với các điều kiện sau:

a. Thông báo họp phải được làm bằng văn bản và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.

b. Thông báo mời họp được gửi bằng giấy mời, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và các thành viên được triệu tập được đăng ký tại Công ty;

c. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc và các thành viên được triệu tập phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng văn bản và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- Thời gian, địa điểm họp;
- Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên, chữ ký chủ tọa, người ghi biên bản và tất cả thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp. Trường hợp chủ tọa, thư ký hoặc thành viên trực tiếp

dự họp không ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do; nếu không ghi lý do thì biểu quyết của thành viên đó đối với nội dung tại cuộc họp coi như không có giá trị; hiệu lực của biên bản không bị ảnh hưởng.

d. Căn cứ nội dung biên bản họp. Thư ký phối hợp các bộ phận liên quan soạn thảo Thông báo kết quả cuộc họp để ký, ban hành theo đúng thể thức văn bản. Thông báo kết quả cuộc họp được ký, ban hành trong thời hạn không chậm hơn 05 ngày làm việc kể từ khi kết thúc cuộc họp.

**Điều 89. Thông báo Nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát, Giám đốc**

Hội đồng quản trị sẽ ban hành nghị quyết, quyết định đối với mỗi vấn đề quan trọng đã được thảo luận và quyết nghị tại Hội đồng quản trị. Căn cứ nội dung biên bản họp, Thư ký phối hợp với các bộ phận liên quan soạn thảo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị để ký, ban hành theo đúng thể thức văn bản. Nghị quyết, Quyết định, Thông báo kết quả cuộc họp của Hội đồng quản trị được ký, ban hành trong thời hạn không chậm hơn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi kết thúc cuộc họp để thực hiện trong toàn Công ty;

Các nghị quyết và biên bản họp của Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên, Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

**Điều 90. Các trường hợp Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị**

1. Những trường hợp đề nghị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị:

Khi phát sinh các sự việc ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty hoặc xét thấy vì lợi ích của Công ty mà thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc trường hợp phát sinh các vấn đề trong công tác điều hành vượt quá thẩm quyền của Giám đốc (đối với Giám đốc), Giám đốc/ Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Đề nghị phải bằng văn bản, nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

2. Những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị:

a. Quyết định các công việc kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị theo quy định Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

b. Quyết định của Giám đốc liên quan đến việc tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm từ cấp trưởng các đơn vị trực thuộc và tương đương thuộc thẩm quyền tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm của Giám đốc và các vấn đề khác theo quy định tại Điều 33 Điều lệ công ty;

c. Các vấn đề phát sinh trong công tác điều hành vượt quá thẩm quyền của Giám đốc.

d. Các vấn đề khác mà Giám đốc nhận thấy cần thiết phải xin ý kiến của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng quản trị nhận thấy cần thiết phải tham gia ý kiến.

3. Những vấn đề có thể tham khảo ý kiến Hội đồng quản trị:

a. Đề xuất của Ban kiểm soát về việc chọn công ty kiểm toán độc lập.

b. Đề xuất của Ban kiểm soát về số lượng thành viên Ban kiểm soát.

c. Các báo cáo, kết luận và kiến nghị của Ban kiểm soát trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 91. Báo cáo của Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao**

1. Giám đốc chịu trách nhiệm chỉ đạo lập báo cáo cho Hội đồng quản trị định kỳ hàng quý, sáu tháng, năm về tình hình hoạt động và phương hướng thực hiện trong kỳ tới của Công ty.

2. Ngoài ra, trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc báo cáo đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ quyền hạn được giao.

### **Điều 92. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát**

1. Giám đốc chịu trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị về các vấn đề sau:

a. Tổ chức triển khai và báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị/Đại Hội đồng cổ đông. Trường hợp khi thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị/Đại Hội đồng cổ đông phát hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị/Đại Hội đồng cổ đông trái quy định pháp luật, trái Điều lệ Công ty hoặc vấn đề không có lợi cho Công ty thì Giám đốc phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị để xem xét điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị/ triệu tập bất thường Đại Hội đồng cổ đông. Nếu Hội đồng quản trị không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày nhận được báo cáo/ triệu tập bất thường Đại Hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo thì:

- Đối với trường hợp phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty: Giám đốc vẫn phải thực hiện, nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên Ban kiểm soát Công ty.

- Đối với trường hợp phát hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị trái quy định pháp luật, Điều lệ Công ty mà Hội đồng quản trị không điều chỉnh trong thời hạn nêu trên: Giám đốc có quyền không thực hiện và đề nghị

Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập bất thường Đại Hội đồng cổ đông để xử lý (đề nghị đồng thời được gửi đến Ban kiểm soát được biết), nếu Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại Hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày thì Ban kiểm soát triệu tập bất thường Đại Hội đồng cổ đông.

- Đối với trường hợp phát hiện nghị quyết, quyết định của Đại Hội đồng cổ đông trái quy định pháp luật, Điều lệ Công ty mà Hội đồng quản trị không triệu tập Đại Hội đồng cổ đông trong thời hạn đã nêu trên: Giám đốc có quyền không thực hiện và báo cáo đến Ban kiểm soát để Ban kiểm soát triệu tập Đại Hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo.

b. Tình hình thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn đã được phân cấp ủy quyền;

c. Các giao dịch giữa Giám đốc hoặc những người có liên quan tới Giám đốc với: Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát.

d. Báo cáo Hội đồng quản trị sau khi quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của Giám đốc trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, chiến tranh, hỏa hoạn, sự cố...).

## 2. Cách thức gửi báo cáo:

a. Tất cả các báo cáo của Giám đốc phải là văn bản chính thức, có ký tên, đóng dấu, có nêu rõ ý kiến tham mưu, đề xuất để Hội đồng quản trị có cơ sở xem xét, giải quyết;

b. Báo cáo có thể được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

c. Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

## 3. Vấn đề cung cấp thông tin:

a. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

b. Ban kiểm soát / thành viên Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin và tài liệu bao gồm nhưng không giới hạn ở:

- Thông báo mời họp cùng tài liệu liên quan, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

- Biên bản, Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Đại Hội đồng cổ đông;

- Báo cáo của Giám đốc hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành;

- Thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh;

- Báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính;
- Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

c. Yêu cầu cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị/ Ban kiểm soát / thành viên Ban kiểm soát phải bằng văn bản, nêu rõ: (i) tài liệu, thông tin cần cung cấp; (ii) lý do cần cung cấp thông tin.

Trong trường hợp thành viên Hội đồng quản trị yêu cầu cung cấp thông tin: văn bản này phải có chữ ký phê duyệt của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được gửi đến Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát cùng thời điểm gửi đến Giám đốc.

Trong trường hợp thành viên Ban kiểm soát yêu cầu cung cấp thông tin: văn bản yêu cầu cung cấp thông tin phải được đồng thời gửi đến Trưởng Ban kiểm soát được biết.

d. Người yêu cầu cung cấp thông tin có nghĩa vụ bảo mật tuyệt đối các thông tin được cung cấp và các thông tin biết được trong thời gian đảm nhận công việc. Việc tiết lộ các thông tin này chỉ được phép khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc theo quy định pháp luật hoặc được sự đồng ý của Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 93. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác**

1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Giám đốc, người điều hành khác:

a. Hội đồng quản trị :

- Hội đồng quản trị tạo điều kiện cho Giám đốc về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị và thiết lập hành lang pháp lý nội bộ, giúp bộ máy điều hành hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Hội đồng quản trị phân công Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ đạo, giám sát thường xuyên công tác điều hành của Giám đốc.

- Các nội dung mà Giám đốc xin ý kiến của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị phải phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc hoặc một thời hạn khác do các bên thỏa thuận. Đối với các giao dịch quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp thì thực hiện theo thời hạn quy định tại Luật Doanh nghiệp.

- Các nội dung được gửi nhằm để lấy ý kiến của Giám đốc về mức lương và lợi ích khác của Người điều hành, các nội dung nhân sự ... phải được gửi trước ít nhất là hai (02) ngày làm việc.

- Khi Giám đốc ra quyết định hay ký bất kỳ văn bản nào trái quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, các quy định nội bộ khác của Công ty và làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty thì Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc hủy bỏ văn bản đó. Nếu Giám đốc không thi hành thì Chủ tịch

Hội đồng quản trị có quyền ra văn bản đình chỉ thi hành quyết định này của Giám đốc và thông báo tới tất cả thành viên Hội đồng quản trị và Người điều hành khác.

- Khi Giám đốc có hành vi vi phạm pháp luật và gây thiệt hại cho Công ty thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải tiến hành các thủ tục pháp lý cần thiết để xử lý hành vi vi phạm và yêu cầu bồi thường thiệt hại.

- Hội đồng quản trị giám sát người điều hành khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

#### b. Giám đốc:

- Đối với nội dung, vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị: Giám đốc có trách nhiệm lập tờ trình gửi Chủ tịch Hội đồng quản trị về các nội dung trình Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định. Kèm theo tờ trình là các văn bản, tài liệu có liên quan đến nội dung cần trình; phải gửi cho Hội đồng quản trị chậm nhất là 05 (năm) ngày làm việc trước ngày họp Hội đồng quản trị. Trong quá trình xem xét quyết định các nội dung mà Giám đốc trình, Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc bổ sung các tài liệu có liên quan và làm rõ các nội dung mà Giám đốc trình trước khi Hội đồng quản trị ra quyết định.

Tất cả các tài liệu do Giám đốc trình và gửi Hội đồng quản trị phải là văn bản chính thức, có ký tên, đóng dấu, nêu rõ ý kiến tham mưu, đề xuất để Hội đồng quản trị có cơ sở xem xét, giải quyết.

- Các nội dung cần ý kiến của Giám đốc, Giám đốc phải có trách nhiệm phản hồi trong vòng ngày năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu.

### 2. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

#### a. Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị gửi thông báo mời họp và các tài liệu liên quan cũng như biên bản cuộc họp, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát theo quy định tại Quy chế này.

- Tạo điều kiện để Ban kiểm soát phát huy tác dụng của công tác kiểm tra, kiểm soát thường xuyên và đột xuất.

- Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp các đợt kiểm tra của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị phải nghiên cứu để có kế hoạch củng cố, chấn chỉnh và cần có biện pháp xử lý đối với các đơn vị và cá nhân liên quan và khắc phục các vi phạm sau kiểm tra, kiểm soát của Ban kiểm soát theo quy định của Công ty.

- Trừ trường hợp Quy chế này có quy định khác, các nội dung khác cần xin ý kiến của Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị có trách nhiệm phản hồi trong vòng ngày bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu.

b. Ban kiểm soát:

- Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại Hội đồng cổ đông;

- Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị (cùng lúc yêu cầu cả Giám đốc, và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;

- Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày kể từ ngày kết thúc) gửi cho Hội đồng quản trị để có thêm cơ sở giúp Hội đồng quản trị trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ban kiểm soát cần phải bàn bạc thống nhất với Hội đồng quản trị, Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại Hội đồng cổ đông.

- Đối với các kiến nghị sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành thì Ban kiểm soát phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất mười (10) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.

- Đối với việc thẩm tra báo cáo tài chính được kiểm toán, Ban kiểm soát phải phản hồi ý kiến bằng văn bản trong vòng mười (10) ngày làm việc.

- Các nội dung khác cần xin ý kiến của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát phải có trách nhiệm phản hồi trong vòng ngày bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Mối quan hệ làm việc, phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát đồng thời thực hiện theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát (nếu có).

3. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Giám đốc:

a. Giám đốc:

- Chỉ đạo các phòng ban chức năng, đơn vị thuộc Công ty cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin theo yêu cầu Ban kiểm soát khi cần thiết;

- Khi nhận được kết quả kiểm tra theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, Giám đốc sẽ xem xét đưa ra kết luận và quyết định xử lý. Ban kiểm soát có trách nhiệm theo dõi việc thực hiện các kết luận và quyết định xử lý của Giám đốc;

- Bố trí các phương tiện, trang thiết bị cần thiết phục vụ cho hoạt động của Ban kiểm soát, cử cán bộ có năng lực phù hợp tham gia các đoàn kiểm tra khi cần thiết theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

b. Ban kiểm soát:

- Thành viên Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Giám đốc và Người điều hành khác tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ.

- Đối với hoạt động của Giám đốc và Người điều hành khác, căn cứ vào báo cáo hoạt động thường kỳ và những yêu cầu cung cấp thông tin cá biệt của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền đề nghị Hội đồng quản trị xem xét lại các quyết định của Giám đốc. Trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật, Điều lệ Công ty và có thể gây hại lớn về vật chất, uy tín của Công ty, Ban kiểm soát phải thông báo ngay với Hội đồng quản trị để Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét về việc ngừng thực hiện quyết định của Giám đốc.

- Căn cứ kết quả kiểm tra, kiểm soát, Ban kiểm soát kiến nghị Giám đốc kịp thời xử lý, chấn chỉnh các vấn đề phát sinh (nếu có) trong hoạt động sản xuất kinh doanh;

**Điều 94. Kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc**

1. Trên cơ sở báo cáo của Giám đốc theo quy định tại Quy chế này và Báo cáo kết quả giám sát của Ban kiểm soát đối với hoạt động của Giám đốc, Hội đồng quản trị tổ chức kiểm điểm về việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc.

2. Việc kiểm điểm được lập thành biên bản và được các thành viên Hội đồng quản trị thống nhất thông qua.

**Mục 2**

**Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác**

**Điều 95. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác**

1. Đánh giá hoạt động:

a. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và kết quả hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao, Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng quản trị và Giám đốc.

b. Việc đánh giá hoạt động của Kiểm soát viên được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của Kiểm soát viên.

c. Việc đánh giá hoạt động của Người điều hành khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của những Người điều hành này.

2. Khen thưởng

Hàng năm căn cứ vào mức độ hoàn thành nhiệm vụ, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và Người điều hành khác được xét chi thưởng theo Quy chế khen thưởng của Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định pháp luật.

### 3. Xử lý kỷ luật

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và Người điều hành khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ, quy định của công ty, lạm dụng chức vụ, quyền hạn gây thiệt hại cho Công ty thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra (nếu có) và trách nhiệm pháp lý theo quy định pháp luật.

## **Chương IX: LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY**

### **Điều 50. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty**

Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

1. Không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
2. Các tiêu chuẩn khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

### **Điều 51. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty**

Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị tại Công ty. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty.

### **Điều 52. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty**

1. Người quản trị Công ty xin từ chức phải làm đơn gửi cho Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải xem xét và ra quyết định trong thời hạn 01 (một) tháng, kể từ khi tiếp nhận đơn từ chức. Trong thời gian chưa có ý kiến chuẩn y của Chủ tịch Hội đồng quản trị thì Người quản trị Công ty vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình ở vị trí đã được bổ nhiệm;

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty trong trường hợp sau:

- a. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự;
- b. Sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;

c. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm Điều lệ, nội quy, quy chế của công ty, vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức cách chức hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.

d. Khi xét thấy cần thiết nhưng không trái quy định pháp luật về lao động.

**Điều 53. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty**

Công ty phải tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người quản trị Công ty trong nội bộ Công ty và công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

**Điều 54. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty**

Thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

## Chương VII:

### BỔ SUNG, SỬA ĐỔI QUY CHẾ QUẢN TRỊ VÀ NGÀY HIỆU LỰC

**Điều 96. Bổ sung và sửa đổi Quy chế quản trị**

1. Việc bổ sung, sửa đổi Quy chế này phải được Hội đồng quản trị xem xét quyết định, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Trong trường hợp có những quy định của Điều lệ và quy định pháp luật có liên quan đến quy chế quản trị của Công ty khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động quản trị của Công ty.

**Điều 97. Ngày hiệu lực**

1. Quy chế này gồm 07 Chương 97 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty nhất trí thông qua ngày 26 tháng 6 năm 2026 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 và thay thế Quy chế nội bộ về quản trị Công ty năm 2022, thông qua ngày 27/04/2022.

2. Quy chế này sẽ có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 6 năm 2026.

3. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty. Những nội dung không nêu trong Quy chế này thì áp dụng theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật có liên quan./.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN**

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**Phạm Hữu Sơn**

Khánh Hòa, ngày 26 tháng 6 năm 2026

## QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019 và Luật Chứng khoán được hợp nhất theo văn bản số 24/VBHN-VPQH được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/02/2025;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022; Luật số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp Nước Ninh Thuận;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 294/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 6 năm 2026;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp Nước Ninh Thuận.

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp Nước Ninh Thuận bao gồm các nội dung sau:

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.



3. Các thuật ngữ được áp dụng trong quy chế này cũng có nghĩa như định nghĩa tại Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

## **Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị**

### 1. Nguyên tắc chung:

a. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể, các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty theo nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Hội đồng quản trị giải quyết công việc theo đúng phạm vi thẩm quyền của mình, đúng trình tự, thủ tục theo các quy định của pháp luật, chương trình, kế hoạch công tác của Hội đồng quản trị và các quy định làm việc của Quy chế này;

c. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

### 2. Nguyên tắc giải quyết các công việc thường xuyên:

a. Hội đồng quản trị chỉ xem xét, biểu quyết các nội dung đề xuất bằng văn bản của Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và các đơn vị, cá nhân liên quan thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b. Hội đồng quản trị tổ chức họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản để xem xét, biểu quyết các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

c. Thư ký Công ty chịu trách nhiệm đôn đốc, phối hợp với đơn vị tham mưu để chuẩn bị các tài liệu liên quan, thư mời, biên bản họp,... đảm bảo hồ sơ trình Hội đồng quản trị đúng tiến độ và trình tự, thủ tục.

### 3. Nguyên tắc ban hành nghị quyết:

a. Hội đồng quản trị tổ chức họp để thông qua nội dung cần quyết định, biên bản họp có đầy đủ chữ ký theo quy định. Trường hợp chưa ra được nghị quyết chung thì thực hiện nghị quyết từng phần cho các nội dung được thông qua để Công ty triển khai thực hiện. Những nội dung chưa được thông qua thì yêu cầu cá nhân, đơn vị liên quan tiếp tục bổ sung, hoàn thiện để Hội đồng quản trị xem xét, quyết định;

b. Trong trường hợp không tổ chức họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ thay mặt Hội đồng quản trị ký ban hành các quyết định, nghị quyết trên cơ sở nội dung đã được Hội đồng quản trị thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

### 4. Nguyên tắc ủy quyền:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị được ủy quyền theo quy định tại khoản 5 Điều 29 Điều lệ Công ty;

b. Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác tham dự họp và biểu quyết tại cuộc họp của Hội đồng quản trị nếu được đa số các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận.

## Chương II THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội Đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia giải quyết các công việc chung của Hội đồng quản trị, cùng với tập thể Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn của từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm vụ của mình theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, quy chế nội bộ về quản trị Công ty, các quy định nội bộ khác của Công ty và thực hiện nhiệm vụ của từng thành viên một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty. Trong trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm;

b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e. Thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty phải báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước và thực hiện công bố thông tin về giao dịch này theo quy định của pháp luật.

f. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo với Hội đồng quản trị các vấn đề khác liên quan theo quy định pháp luật hiện hành;

g. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và pháp luật hiện hành;

3. Thành viên Hội đồng quản trị chủ động giải quyết công việc được phân công; báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình và kết quả công việc được phân công;

4. Thành viên Hội đồng quản trị được trả thù lao, thưởng và lợi ích khác theo Điều 28 Điều lệ Công ty;

5. Thành viên Hội đồng quản trị được quyền bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty theo khoản 1 Điều 29 Điều lệ Công ty.

#### **Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

#### **Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người;

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc;

4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:

a. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp và Điều 26 Điều lệ Công ty;

c. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay thế, nhận đơn từ chức của thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

d. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

#### **Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị**

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp, khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác;

d. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty;

e. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của Pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế khác của Công ty theo từng thời điểm.

### **Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người chịu trách nhiệm điều hành hoạt động của Hội đồng quản trị trong nhiệm kỳ của mình. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; theo dõi, đôn đốc thành viên Hội đồng quản trị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai

nghiên bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch. Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định Pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

#### **Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Không có đủ tiêu chuẩn làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng cử viên Hội đồng quản trị;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

#### **Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử hoặc ứng cử vào Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử hoặc ứng cử vào Hội đồng quản trị. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử hoặc ứng cử vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Việc đề cử số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị tùy theo tỷ lệ số cổ phần cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết như sau:

a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông theo các tỷ lệ dưới đây được đề cử hoặc ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:

- Từ 5% đến dưới 10% được đề cử tối đa một (01) ứng cử viên;
- Từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên;
- Từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên;
- Từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên;
- Từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên;
- Từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên;
- Từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên;
- Từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng cử viên.

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm a khoản 1 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng cử viên đáp ứng tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ công ty hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định hoặc được Đại hội đồng cổ đông thông qua hoặc tổ chức đề cử theo cách thức mà Hội đồng quản trị xét thấy phù hợp với đặc điểm Công ty. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

#### **Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;

d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của các công ty khác);

e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, quy chế bầu cử.

g. Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

### **Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác và quyết định mức lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác của họ; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

c. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý, người điều hành khác;

d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

e. Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

f. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;



g. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

h. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

i. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

j. Quyết định giá bán cổ phần, trái phiếu của Công ty;

k. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán, báo cáo tình hình quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

l. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

m. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

n. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

o. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

p. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

q. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

**Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch**

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng

kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- a. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- b. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- c. Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

### **Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường**

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ công ty; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

#### **2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường**

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ

đồng được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

d. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

e. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

f. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

g. Gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông:

- Thông báo mời họp phải được gửi đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ);

- Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp;

- Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch và Hệ thống trực tuyến trong trường hợp có tổ chức bỏ phiếu điện tử;

- Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

+ Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

+ Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

+ Phiếu biểu quyết;

+ Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

h. Các công việc khác phục vụ đại hội.

## **Chương IV** **CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 14. Cuộc họp Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc

tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Có đề nghị của Ban kiểm soát;

b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;

c. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp Hội đồng quản trị chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải xác định cụ thể thời gian, địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

9. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị trở lên dự họp.

Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

10. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 12 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

11. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

12. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

13. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

#### 14. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 12 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

c. Theo quy định tại điểm b khoản này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết thì phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

15. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết, quyết định trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu ngang bằng nhau, thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

16. Nghị quyết, quyết định theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

17. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng nước ngoài. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực.

#### **Điều 15. Biên bản họp Hội đồng quản trị**

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian, địa điểm họp;
- c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

128  
NG  
PT  
PN  
HT  
KH

g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Công ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

4. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

5. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

6. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

## **Chương V** **BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH**

### **Điều 16. Trình báo cáo hằng năm**

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính;
- c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d. Báo cáo tình hình quản trị công ty;
- e. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

### **Điều 17. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Công ty có quyền trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được nhận tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị dự tính mức chi tiền lương, thù lao, thưởng cho từng thành viên theo quy định của Chính phủ về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần có vốn chi phối của Nhà nước và các quy chế nội bộ của công ty. Tổng mức tiền lương, thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

3. Tiền lương, thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

### **Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan**

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

## **Chương VI MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị**

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

**Điều 20. Mỗi quan hệ với ban điều hành**

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

**Điều 21. Mỗi quan hệ với Ban Kiểm soát**

1. Mỗi quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

## Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

**Điều 22: Bổ sung, sửa đổi**

1. Việc bổ sung, sửa đổi Quy chế này phải được Hội đồng quản trị xem xét quyết định, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Trường hợp pháp luật và Điều lệ công ty có những quy định liên quan đến hoạt động quản trị của Công ty nhưng chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Quy chế này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động quản trị của Công ty.

**Điều 23. Hiệu lực thi hành**

1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận bao gồm 7 chương, 23 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty nhất trí thông qua ngày 26 tháng 6 năm 2026 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 và thay thế Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2022, thông qua ngày 27/04/2022.

2. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 6 năm 2026./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Phạm Hữu Sơn



CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP NƯỚC NINH THUẬN  
BAN KIỂM SOÁT

Số: 39/TTr-BKS



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 22 tháng 5 năm 2026

**TỜ TRÌNH**

Về việc: Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, đã sửa đổi lần 7 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, thông qua ngày 27/4/2022,

Ban kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát như sau:

STT	Quy chế hoạt động của BKS hiện hành	Quy chế hoạt động của BKS sửa đổi	Ghi chú
01	Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;  Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;	Căn cứ Luật Chứng khoán được hợp nhất theo văn bản số 24/VBHN-VPQH ngày 26 tháng 02 năm 2025;  Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022; Luật số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;	



	<p>Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p>	<p>Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;</p>	
	<p>Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 515/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022,</p>	<p>Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số /2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày tháng năm 2026,</p>	
02	<p><b>Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát</b></p> <p>1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;</p> <p>.....</p>	<p><b>Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát</b></p> <p>1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp, khoản 6 Điều 1 Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp;</p> <p>.....</p>	<p>Bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2025 của Quốc hội.</p>
03	<p><b>Điều 23. Hiệu lực thi hành</b></p> <p>1. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp Nước Ninh Thuận bao gồm 7 chương, 23 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty nhất trí thông qua ngày 27 tháng 4 năm 2022.</p>	<p><b>Điều 23. Hiệu lực thi hành</b></p> <p>1. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp Nước Ninh Thuận bao gồm 7 chương, 23 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty nhất trí thông qua ngày tháng năm 2026 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ</p>	

	<p>2. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2022</p>	<p><b>đồng thường niên năm 2026 và thay thế Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2022, thông qua ngày 27/04/2022.</b></p> <p>2. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026</p>	
--	---	---	--

(Đính kèm dự thảo sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT, BKS, NPTQTCT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Bá Bạch Thủy Tiên**



---

Khánh Hòa, ngày 26 tháng 6 năm 2026



## **QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Căn cứ Luật Chứng khoán được hợp nhất theo văn bản số 24/VBHN-VPQH ngày 26/02/2025;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022; Luật số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp Nước Ninh Thuận;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 294/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 6 năm 2026,

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp Nước Ninh Thuận.

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp Nước Ninh Thuận bao gồm các nội dung sau:

### **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

3. Các thuật ngữ được áp dụng trong quy chế này cũng có nghĩa như định nghĩa tại Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.



## **Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

## **Chương II THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát**

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

### **Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát**

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

### **Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát**

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp; khoản 6 Điều 1 Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp;

b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;

d. Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

đ. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

g. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

#### **Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát**

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát được quy định cụ thể nhưng sau:

a. Triệu tập cuộc họp của Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông;

d. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty.

#### **Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng cử viên Ban kiểm soát. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Việc đề cử số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát tùy theo tỷ lệ số cổ phần cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết như sau:

a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông theo các tỷ lệ dưới đây được đề cử hoặc ứng cử thành viên Ban kiểm soát:

- Từ 5% đến dưới 10% được đề cử tối đa một (01) ứng cử viên;
- Từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên;
- Từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên;
- Từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên;
- Từ 50% đến trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên;

b. Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm a khoản 1 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

### **Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại khoản 1 Điều 37 Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho

thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

#### **Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d. Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

#### **Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ chuyên môn;

c. Quá trình công tác;

d. Các chức danh quản lý khác;

đ. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế bầu cử.

g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

### **Chương III BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát**

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ công ty.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ công ty, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông: Phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát**

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c. Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

### **Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông**

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

b. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ công ty;

c. Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện theo điểm b khoản 4 Điều 14 Điều lệ công ty.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

## **Chương IV CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

### **Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát**

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

## **Chương V BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH**

### **Điều 16. Trình báo cáo hằng năm**

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

### **Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác**

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quy định của Chính phủ về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

### **Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan**

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

## **Chương VI MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát**

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

### **Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành**

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

### **Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị**

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

## **Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 22: Bổ sung, sửa đổi**

1. Việc bổ sung, sửa đổi Quy chế này phải được Ban kiểm soát xem xét quyết định, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Trường hợp pháp luật và Điều lệ công ty có những quy định liên quan đến quy chế hoạt động Ban kiểm soát nhưng chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Quy chế này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động Ban kiểm soát của Công ty.

**Điều 23. Hiệu lực thi hành**

1. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp Nước Ninh Thuận bao gồm 7 chương, 23 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty nhất trí thông qua ngày 26 tháng 6 năm 2026 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 và thay thế Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty năm 2022, thông qua ngày 27/04/2022.
2. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 6 năm 2026./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Bá Bạch Thủy Tiên**

## TỜ TRÌNH

### Về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, đã sửa đổi lần 7 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, thông qua ngày 27/4/2022;

Căn cứ Nghị quyết số 273/NQ-HĐQT ngày 25/5/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận về việc thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) xem xét phê duyệt phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu như sau:

- Tên cổ phiếu:** Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận.
- Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông.
- Mã chứng khoán:** NNT.
- Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Vốn điều lệ hiện tại:** 94.908.414.916 đồng.
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành:** 9.490.841 cổ phiếu.

Trong đó:

- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 9.490.841 cổ phiếu.
- Tổng số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.



- 7. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành:** 15.422.600 cổ phiếu.
- 8. Giá trị phát hành dự kiến tính theo mệnh giá:** 154.226.000.000 đồng.
- 9. Mục đích phát hành:** Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu để nâng cao năng lực tài chính và quy mô hoạt động của Công ty.
- 10. Hình thức phát hành:** Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
- 11. Đối tượng phát hành:** Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu. Thời điểm chốt danh sách được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định.
- 12. Tỷ lệ phát hành (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/số lượng cổ phiếu đang lưu hành):** 162,4998%.
- 13. Tỷ lệ thực hiện quyền:** 100:162,4998. Mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được nhận 01 quyền nhận thêm cổ phiếu. Cứ 100 quyền nhận thêm cổ phiếu sẽ được nhận thêm 162,4998 cổ phiếu mới.
- 14. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ:** Số lượng cổ phiếu phát hành thêm của mỗi cổ đông sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống. Số cổ phiếu lẻ (phần thập phân) (nếu có) sẽ hủy bỏ, không phát hành.
- Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 100 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông. Với tỷ lệ thực hiện quyền 100:162,4998, cổ đông A được nhận  $100 \times 162,4998 / 100 = 162,4998$  cổ phiếu, số cổ phiếu mà cổ đông A được nhận theo nguyên tắc làm tròn xuống là 162 cổ phiếu. Số cổ phiếu lẻ là 0,4998 cổ phiếu sẽ hủy bỏ, không phát hành.*
- 15. Nguồn vốn thực hiện:** Quỹ đầu tư phát triển theo thứ tự thực hiện sau:
- Giá trị Quỹ đầu tư phát triển lũy kế được xác định tại ngày 31/12/2025 theo Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán: 121.574.312.723 đồng.
  - Giá trị Quỹ đầu tư phát triển được trích từ việc phân phối lợi nhuận năm 2025 theo Tờ trình số 276/TTr-HĐQT ngày 25/5/2026 về thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025 được trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026: 32.651.687.277 đồng.
- 16. Thời gian thực hiện:** Sau khi ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua và sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) thông báo về việc nhận đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành, dự kiến từ Quý III/2026. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn thời điểm phát hành thích hợp để đảm bảo quyền lợi của cổ đông và theo quy định của pháp luật.
- 17. Đăng ký chứng khoán bổ sung và đăng ký giao dịch bổ sung:** Sau khi hoàn tất đợt phát hành, ĐHĐCĐ thông qua và ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- 18. Thông qua việc thay đổi Vốn điều lệ:** Thông qua việc thay đổi Điều lệ công ty tại mục Vốn điều lệ và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi UBCKNN thông báo về việc nhận được báo cáo kết quả đợt phát hành.

### 19. Thông qua việc ủy quyền:

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định các vấn đề liên quan đến đợt phát hành, cụ thể:

- Chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ báo cáo phát hành chứng khoán gửi cho UBCKNN và các cơ quan chức năng khác. Đồng thời, chủ động điều chỉnh phương án phát hành và các hồ sơ khác có liên quan theo tình hình thực tế của Doanh nghiệp hoặc theo yêu cầu của UBCKNN và các cơ quan chức năng khác;

- Lựa chọn ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu;

- Xây dựng phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật;

- Thực hiện các thủ tục, công việc và lựa chọn thời điểm thích hợp để đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch chứng khoán bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội số lượng cổ phiếu phát hành thêm theo kết quả thực tế của đợt phát hành sau khi UBCKNN thông báo về việc nhận được báo cáo kết quả đợt phát hành;

- Thực hiện các thủ tục thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của Công ty liên quan tới việc thay đổi vốn điều lệ theo kết quả thực tế của đợt phát hành với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi UBCKNN thông báo về việc nhận được báo cáo kết quả đợt phát hành;

- Sửa đổi các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty sau khi UBCKNN thông báo về việc nhận được báo cáo kết quả đợt phát hành;

- Thực hiện các công việc khác có liên quan nhằm đảm bảo cho đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu được thành công;

- Hội đồng quản trị được ủy quyền lại cho Giám đốc Công ty/Người đại diện pháp luật để thực hiện một hoặc một số công việc cụ thể nêu trên.

Trên đây là Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Lưu VT, NPTQTCT.



**Phạm Hữu Sơn**

---

## TỜ TRÌNH

Về việc xem xét, thông qua đề nghị của cổ đông Công ty CP –  
Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương được nhận chuyển nhượng  
cổ phần của một số cổ đông cá nhân tại Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận  
mà không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 273/NQ-HĐQT ngày 25/5/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận về việc thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026,*

Theo đề nghị của Công ty CP – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương (BIWASE) là cổ đông đang nắm giữ 2.350.000 cổ phần, tương ứng 24,76% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận tại công văn số 598/TCTBWE-KH ngày 05/5/2026 về việc xin chủ trương chấp thuận cho BIWASE được nhận chuyển nhượng cổ phần của một số cổ đông cá nhân tại Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận mà không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua đề nghị của cổ đông hiện hữu (BIWASE) được nhận chuyển nhượng cổ phần của một số cá nhân đang sở hữu 1.180.486 cổ phần tương đương 12,44% số cổ phiếu có quyền biểu tại Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (mã cổ phiếu NNT) mà không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai. Cụ thể như sau:

### **1. Cổ đông chuyển nhượng:**

#### **1.1 Ông Võ Văn Quốc**

- CCCD số: 074084000203 do Bộ Công an cấp ngày 03/07/2024;

- Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng: 400.486 cổ phiếu, tương đương 4,22% tổng số cổ phần NNT.

#### **1.2 Ông Nguyễn Anh Dũng**

- CCCD số: 074080000172 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 22/02/2021;

- Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng: 400.000 cổ phiếu, tương đương 4,21% tổng số cổ phần NNT.

### 1.3 Ông Võ Triết Phu

- CCCD số: 072068003826 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 22/02/2021;
- Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng: 380.000 cổ phiếu, tương đương 4% tổng số cổ phần NNT.

### 2. Cổ đông nhận chuyển nhượng:

Công ty CP – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700145694 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần thứ 21 ngày 18/07/2025.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 11 Ngô Văn Trị, phường Phú Lợi, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Số lượng cổ phiếu đang sở hữu: 2.350.000 cổ phiếu, tương đương 24,76% tổng số cổ phiếu NNT.

### 3. Hình thức giao dịch:

- BIWASE thực hiện giao dịch nhận chuyển nhượng cổ phiếu NNT mà không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai.
- Phương thức giao dịch: Thực hiện theo giá trên sàn Upcom (HNX) tại thời điểm giao dịch và theo luật định.

### 4. Thời gian thực hiện:

Sau khi được Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Lưu VT, NPTQTCT.



**Phạm Hữu Sơn**

## TỜ TRÌNH

Về việc: Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ IV (2024 – 2029).

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, đã sửa đổi lần 7 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, thông qua ngày 27/4/2022;*

*Căn cứ đơn xin từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của ông Đinh Ân và ông Hồ Huy Vũ ngày 04/3/2026, đơn xin từ nhiệm chức danh thành viên Ban kiểm soát của bà Đinh Lê Ngọc Trâm và ông Phạm Nguyên Thắng ngày 04/3/2026;*

*Căn cứ Nghị quyết số 273/NQ-HĐQT ngày 25/5/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận về việc thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026,*

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ IV (2024 – 2029) như sau:

### **I. Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:**

Trên cơ sở Đơn xin từ nhiệm của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ IV (2024 – 2029), Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua việc miễn nhiệm các thành viên như sau:

#### **1. Thành viên Hội đồng quản trị:**

- Ông Đinh Ân - Thành viên Hội đồng quản trị;
- Ông Hồ Huy Vũ - Thành viên Hội đồng quản trị.

#### **2. Thành viên Ban kiểm soát:**

- Bà Đinh Lê Ngọc Trâm - Thành viên Ban kiểm soát;
- Ông Phạm Nguyên Thắng - Thành viên Ban kiểm soát.

### **II. Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:**

Theo Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, cơ cấu số lượng thành viên Hội đồng quản trị Công ty là 05 người và thành viên Ban kiểm soát là

03 người. Do đó, để kiện toàn nhân sự theo Điều lệ Công ty và đảm bảo duy trì đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo cơ cấu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua nội dung bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ IV (2024 – 2029) thay thế cho các thành viên được Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm như sau:

**1. Thành viên Hội đồng quản trị:**

- Số lượng bầu bổ sung: 02 thành viên;

- Tiêu chuẩn và điều kiện ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị (theo khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp năm 2020; khoản 1 Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và khoản 4 Điều 25 Điều lệ Công ty);

- Nhiệm kỳ IV (2024 – 2029).

**2. Thành viên Ban kiểm soát:**

- Số lượng bầu bổ sung: 02 thành viên;

- Tiêu chuẩn và điều kiện ứng cử viên tham gia Ban kiểm soát (theo khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp năm 2020; khoản 2 Điều 286 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và khoản 2 Điều 37 Điều lệ Công ty);

- Nhiệm kỳ IV (2024 – 2029).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT, NPTQTCT.



**Phạm Hữu Sơn**

Khánh Hòa, ngày 04 tháng 6 năm 2026

## QUY CHẾ

### Đề cử, ứng cử và bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận nhiệm kỳ IV (2024-2029)

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, đã sửa đổi lần 7 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, thông qua ngày 27/4/2022;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận,

## Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về nguyên tắc, phương thức đề cử, ứng cử và bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ IV (2024-2029) của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026.

2. Quy chế được áp dụng đối với tất cả cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận theo danh sách chốt ngày 25/3/2026.

### Điều 2. Giải thích từ ngữ viết tắt

- Công ty: Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận.
- HĐQT: Hội đồng quản trị.
- BKS: Ban kiểm soát.
- Cổ đông: Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội.
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông, đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026



1. Mỗi cổ đông đến tham dự Đại hội được nhận một phiếu bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và một phiếu bầu cử thành viên Ban kiểm soát; trên phiếu ghi rõ số lượng cổ phần mà cổ đông đó nắm giữ và số phiếu biểu quyết tương ứng sử dụng để bầu cử.

2. Cổ đông phải tuân thủ các điều kiện và quy định tại quy chế này, theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu và Chủ tọa Đại hội.

## **Chương II**

### **QUY ĐỊNH ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ THÀNH VIÊN**

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, NHIỆM KỲ IV (2024 - 2029)**

#### **Điều 4. Số lượng, nhiệm kỳ, ứng cử, đề cử, tiêu chuẩn thành viên HĐQT**

1. Số lượng thành viên HĐQT được bầu bổ sung là 02 thành viên.

2. Nhiệm kỳ IV (2024 - 2029).

3. Số lượng ứng cử viên: Không hạn chế.

4. Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT (theo Điều 25 Điều lệ Công ty).

~~a) Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng cử viên HĐQT.~~

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ (tính đến ngày 25/3/2026) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Từ 5% đến dưới 10% được đề cử một (01) ứng viên;

- Từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;

- Từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;

- Từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;

- Từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;

- Từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;

- Từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;

- Từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

b) Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT. Việc giới thiệu ứng cử viên HĐQT phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định pháp luật.

5. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT (theo Khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2020; Khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15; Khoản 1 Điều 275 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Khoản 4 Điều 25 Điều lệ Công ty)

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp, Luật số 76/2025/QH15;

- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

- Không được đồng thời là thành viên HĐQT tại tối đa 5 công ty khác;

- Không được là người có quan hệ gia đình (vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng) của Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

#### **Điều 5. Số lượng, nhiệm kỳ, ứng cử, đề cử, tiêu chuẩn thành viên BKS**

1. Số lượng thành viên BKS được bầu bổ sung là 02 thành viên.

2. Nhiệm kỳ IV (2024 - 2029).

3. Số lượng ứng cử viên: Không hạn chế.

4. Ứng cử, đề cử thành viên BKS (theo Điều 36 Điều lệ Công ty):

a) Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng cử viên BKS. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ (tính đến ngày 25/3/2026) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Từ 5% đến dưới 10% được đề cử một (01) ứng viên;

- Từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;

- Từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;

- Từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;

- Từ 50% đến trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

b) Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của BKS. Việc giới thiệu ứng cử viên BKS phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHCĐ biểu quyết bầu thành viên BKS theo quy định pháp luật.

5. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên BKS (theo Khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp; Khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15; Khoản 2 Điều 286 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Khoản 2 Điều 37 Điều lệ Công ty)

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp, Luật số 76/2025/QH15;

- Được đào tạo một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- Không phải là người có quan hệ gia đình (*vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng*) của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và người quản lý khác của Công ty;

- Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

- Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

- Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó;

- Kiểm soát viên Công ty đại chúng, doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty.

## **Điều 6. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử bầu vào thành viên HĐQT, BKS**

### 1. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử gồm:

- Đơn xin ứng cử; đề cử hoặc nhóm cổ đông đề cử để bầu bổ sung vào HĐQT, BKS (*theo mẫu*);

- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (*theo mẫu*);

- Giấy ủy quyền đề cử hợp lệ (*trong trường hợp cổ đông ủy quyền cho người khác đề cử*);

- Bản sao công chứng còn hiệu lực các giấy tờ sau: CCCD/Hộ chiếu, các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn.

### 2. Thời gian gửi hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử

Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử phải được gửi về Ban tổ chức Đại hội trước **16 giờ ngày 12/6/2026 (Thứ Sáu)** theo địa chỉ sau:

- Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (Ban tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2026).

- Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, phường Phan Rang, tỉnh Khánh Hòa.

- Điện thoại: (0259) 3830499 **gặp bà Nguyễn Thu Hòa, điện thoại di động 0919854384.**

### 3. Xét hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử

Công ty chỉ xét những hồ sơ đề cử, ứng cử đủ điều kiện mới được đưa vào danh sách ứng cử viên để công bố tại Đại hội.

### **Chương III**

## **BẦU CỬ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, NHIỆM KỲ IV (2024-2029)**

#### **Điều 7. Lựa chọn các ứng viên**

Dựa trên các đơn đề cử, ứng cử của các cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng viên, HĐQT, BKS nhiệm kỳ IV (2024-2029) lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện quy định để bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ IV (2024-2029).

#### **Điều 8. Nguyên tắc bầu cử**

1. Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.
2. Bảo đảm tính công khai, dân chủ.

#### **Điều 9. Phương thức bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS**

1. Bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS thực hiện bỏ phiếu kín trực tiếp tại Đại hội theo phương thức bầu dồn phiếu (*theo Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp*).

2. Mỗi cổ đông tham dự Đại hội được Ban tổ chức phát 02 phiếu bầu: một phiếu bầu bổ sung thành viên HĐQT (màu hồng), một phiếu bầu bổ sung thành viên BKS (màu xanh). Cổ đông kiểm tra thông tin trên phiếu bầu, nếu sai sót thông báo và nộp phiếu cũ cho Ban kiểm phiếu để cấp lại phiếu bầu mới.

3. Trên phiếu ghi rõ danh sách các ứng viên HĐQT và BKS được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, có dấu treo của Công ty.

4. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS.

5. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số quyền bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên với điều kiện tổng số phiếu bầu cho các ứng viên đó không được cao hơn tổng số phiếu bầu.

*(Phụ lục kèm theo quy chế này Hướng dẫn bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát)*

#### **Điều 10. Ban kiểm phiếu**

1. Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đoàn đề cử và được ĐHĐCĐ thông qua.
2. Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT, BKS
3. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:
  - Kiểm tra và công bố danh sách các ứng viên HĐQT, BKS.

- Trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế này và hướng dẫn cách thức bỏ phiếu, tổ chức bầu cử.
- Kiểm phiếu, lập biên bản, công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.
- Cùng Chủ tọa Đại hội xem xét và giải quyết khiếu nại liên quan đến công tác bầu cử (nếu có) và báo cáo để ĐHĐCĐ quyết định.
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về việc tuân thủ quy chế này và tính chính xác của kết quả kiểm phiếu bầu cử.

### **Điều 11. Nguyên tắc xác định kết quả bầu cử**

1. Người trúng cử thành viên HĐQT, BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp cho đến khi đủ số lượng thành viên HĐQT và số lượng thành viên BKS quy định.
2. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

### **Điều 12. Lập và công bố biên bản kiểm phiếu**

1. Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu gồm các nội dung sau:
  - Thành phần Ban kiểm phiếu, thời gian, địa điểm lập biên bản.
  - Tổng số phiếu bầu đã phát ra và thu về, số phiếu hợp lệ, số phiếu không hợp lệ và số phiếu không nộp về.
  - Kết quả bầu cử.
  - Chữ ký của các thành viên Ban kiểm phiếu.
2. Biên bản kiểm phiếu phải được Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

### **Điều 13. Điều khoản thi hành**

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi Đại hội đồng cổ đông thông qua và chỉ áp dụng cho việc ứng cử, đề cử và bầu cử bổ sung thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ IV (2024-2029) tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận./.

#### **Nơi nhận:**

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Lưu: VT, NPTQTCT.



**Phạm Hữu Sơn**

## PHỤ LỤC

(Kèm theo Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử bổ sung thành viên HĐQT và BKS Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, nhiệm kỳ IV (2024-2029))

### HƯỚNG DẪN

#### Bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS, nhiệm kỳ IV (2024-2029)

#### 1. Loại phiếu bầu

Có 02 loại phiếu bầu được in thống nhất để bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS; có đóng dấu của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận gồm:

- Phiếu màu hồng: Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.
- Phiếu màu xanh: Để bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát.

#### 2. Bỏ phiếu

Bầu cử được tiến hành bằng cách bỏ phiếu kín và cổ đông trực tiếp thực hiện việc bỏ phiếu bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS vào thùng phiếu.

#### 3. Nguyên tắc bầu cử

- Mỗi cổ đông có số cổ phần biểu quyết sở hữu nhân với số thành viên được bầu HĐQT (số lượng 2) hoặc BKS (số lượng 2).

- Cổ đông có thể chia tổng số phiếu bầu cho các ứng viên lựa chọn hoặc dồn hết tổng số phiếu bầu cho một hoặc một số ứng cử viên, nhưng phải đảm bảo tổng số phiếu bầu cho các ứng viên không được vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông đó và số ứng cử viên mà cổ đông đó lựa chọn để bầu không được vượt quá số ứng viên cần bầu bổ sung vào thành viên HĐQT, BKS.

- Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 ngày 26/6/2026, Đại hội biểu quyết thông qua chọn:

+ 02 thành viên HĐQT, nhiệm kỳ IV (2024-2029)

(Số quyền bầu thành viên HĐQT = Tổng số cổ phần nắm giữ x 2)

+ 02 thành viên BKS, nhiệm kỳ IV (2024-2029)

(Số quyền bầu thành viên BKS = Tổng số cổ phần nắm giữ x 2)

#### ☞ Ví dụ minh họa cách bầu:

Cổ đông A nắm giữ là 1.000 cổ phần thì số quyền bầu như sau.

+ **Số quyền bầu thành viên HĐQT:  $1.000 \times 2 = 2.000$  phiếu**

+ **Số quyền bầu thành viên BKS:  $1.000 \times 2 = 2.000$  phiếu**

Cổ đông A tiến hành chọn ứng viên bằng cách ghi số phiếu bầu của mình cho ứng viên lựa chọn sao cho **tổng cộng số quyền bầu cho các ứng viên không lớn hơn tổng số phiếu bầu cụ thể như sau:**

**BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

• Cổ đông A chọn cách 1, đánh dấu (X) vào cột số (3) được áp dụng cho 2 hình thức như sau:

➤ Hình thức 1, số phiếu bầu bổ sung được chia đều cho từng ứng viên

STT	Họ và tên ứng viên	Số phiếu bầu (chọn 1 trong 2 cách dưới đây)	
		Chia đều tổng số phiếu cho từng ứng viên hoặc dồn phiếu cho 01 ứng viên (đánh dấu X)	Bầu số lượng cụ thể cho từng ứng viên (ghi số phiếu)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Ứng viên A	X	
2	Ứng viên B	X	

➤ Hình thức 2, số phiếu bầu bổ sung được dồn hết cho một (01) ứng viên

STT	Họ và tên ứng viên	Số phiếu bầu (chọn 1 trong 2 cách dưới đây)	
		Chia đều tổng số phiếu cho từng ứng viên hoặc dồn phiếu cho 01 ứng viên (đánh dấu X)	Bầu số lượng cụ thể cho từng ứng viên (ghi số phiếu)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Ứng viên A	X	
2	Ứng viên B		

• Cổ đông A chọn cách 2, ghi số phiếu bầu cụ thể cho từng ứng viên vào cột số (4)

➤ Hình thức ghi số phiếu cho từng ứng viên (Ví dụ: Nếu ghi cho 02 ứng viên, gồm: Ứng viên A số lượng 1.500 phiếu và Ứng viên B số lượng 500 phiếu)

STT	Họ và tên ứng viên	Số phiếu bầu (chọn 1 trong 2 cách dưới đây)	
		Chia đều tổng số phiếu cho từng ứng viên hoặc dồn phiếu cho 01 ứng viên (đánh dấu X)	Bầu số lượng cụ thể cho từng ứng viên (ghi số phiếu)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Ứng viên A		1.500
2	Ứng viên B		500

Lưu ý: Tổng số phiếu bầu bổ sung thành viên HĐQT của cổ đông A không được vượt quá 2.000 phiếu bầu

**BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

• Cổ đông A chọn cách 1, đánh dấu (X) vào cột số (3) được áp dụng cho 2 hình thức như sau:

➤ Hình thức 1, số phiếu bầu bổ sung được chia đều cho từng ứng viên

STT	Họ và tên ứng viên	Số phiếu bầu (chọn 1 trong 2 cách dưới đây)	
		Chia đều tổng số phiếu cho từng ứng viên hoặc dồn phiếu cho 01 ứng viên (đánh dấu X)	Bầu số lượng cụ thể cho từng ứng viên (ghi số phiếu)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Ứng viên A	X	
2	Ứng viên B	X	

☒ Hình thức 2, số phiếu bầu bổ sung được dồn hết cho một (01) ứng viên

STT	Họ và tên ứng viên	Số phiếu bầu (chọn 1 trong 2 cách dưới đây)	
		Chia đều tổng số phiếu cho từng ứng viên hoặc dồn phiếu cho 01 ứng viên (đánh dấu X)	Bầu số lượng cụ thể cho từng ứng viên (ghi số phiếu)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Ứng viên A	X	
2	Ứng viên B		

• Cổ đông A chọn cách 2, ghi số phiếu bầu bổ sung cụ thể cho từng ứng viên vào cột số (4)

☒ Hình thức ghi số phiếu cho từng ứng viên (Ví dụ: Nếu ghi cho 02 ứng viên, gồm: Ứng viên A số lượng 1.500 phiếu và Ứng viên B số lượng 500 phiếu)

STT	Họ và tên ứng viên	Số phiếu bầu (chọn 1 trong 2 cách dưới đây)	
		Chia đều tổng số phiếu cho từng ứng viên hoặc dồn phiếu cho 01 ứng viên (đánh dấu X)	Bầu số lượng cụ thể cho từng ứng viên (ghi số phiếu)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Ứng viên A		1.500
2	Ứng viên B		500

Lưu ý: Tổng số phiếu bầu bổ sung thành viên BKS của cổ đông A không được vượt quá 2.000 phiếu bầu

---

CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP NƯỚC NINH THUẬN  
**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
Số: 284/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
Khánh Hòa, ngày 25 tháng 5 năm 2026

## TỜ TRÌNH

Về việc: **Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ IV (2024 – 2029).**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, đã sửa đổi lần 7 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, thông qua ngày 27/4/2022;*

*Căn cứ đơn đề cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty CP - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương (BIWASE) ngày 08/4/2026;*

*Căn cứ tờ trình số 226/TTr-CNNT ngày 09/3/2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận về việc giới thiệu nhân sự bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận;*

*Căn cứ Nghị quyết số 273/NQ-HĐQT ngày 25/5/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận về việc thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026,*

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua danh sách bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ IV (2024 – 2029) như sau:

### **1. Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ IV (2024 – 2029):**

- Số lượng: 02 người.

- Tiêu chuẩn và điều kiện ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị (theo khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp năm 2020; khoản 1 Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và khoản 4 Điều 25 Điều lệ Công ty).

- Nhiệm kỳ IV (2024 – 2029).

- Danh sách ứng viên:

+ Ông Mai Song Hào – Thành viên do cổ đông Công ty CP - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương giới thiệu;

+ Ông Nguyễn Huy Cường – Thành viên do cổ đông Công ty CP - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương giới thiệu.

(Đính kèm sơ yếu lý lịch của các ứng viên).

## 2. Bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ IV (2024 – 2029):

- Số lượng: 02 người.

- Tiêu chuẩn và điều kiện ứng cử viên tham gia Ban kiểm soát (theo khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp năm 2020; khoản 2 Điều 286 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và khoản 2 Điều 37 Điều lệ Công ty);

- Nhiệm kỳ IV (2024 – 2029).

- Danh sách ứng viên:

+ Ông Nguyễn Chất Phát – Thành viên do cổ đông Công ty CP - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương giới thiệu;

+ Bà Lý Thị Xuân – Thành viên do Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận giới thiệu.

(Đính kèm sơ yếu lý lịch của các ứng viên).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT, NPTQTCT.



**Phạm Hữu Sơn**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP NƯỚC NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**



**DANH SÁCH BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
NHIỆM KỲ IV (2024 – 2029)**

*(Kèm theo Tờ trình số 284/TTr-HĐQT ngày 25/5/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận)*

STT	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị công tác	Nơi giới thiệu		Ghi chú
				Cổ đông nhà nước	Cổ đông tổ chức	
1	Mai Song Hào	Phó Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương		Công ty CP - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương	
2	Nguyễn Huy Cường	Giám đốc	Chi nhánh Cấp nước Thủ Dầu Một - Công ty CP - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương		Công ty CP - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**SƠ YẾU LÝ LỊCH**  
**ỨNG VIÊN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN**  
**NHIỆM KỶ IV (2024-2029)**

1. Họ và tên (chữ in hoa): **MAI SONG HÀO**

2. Giới tính (nam/nữ): Nam

3. Ngày, tháng, năm sinh: 25/10/1981

4. Nơi đăng ký khai sinh: Thanh Hóa

5. Số CCCD/Hộ chiếu: 070081004589

Ngày cấp: 11/8/2022

Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH

6. Quốc tịch: Việt Nam

7. Dân tộc: Kinh

8. Quê quán: Thanh Hóa

9. Nơi thường trú: phường Dĩ An TP Hồ Chí Minh.

10. Nơi ở hiện tại: phường Dĩ An TP Hồ Chí Minh.

11. Số điện thoại liên hệ: 0919151532

12. Địa chỉ e-mail: haoms.biwase@gmail.com

13. Trình độ học vấn: 12/12

14. Trình độ chuyên môn: Đại học

Bằng cấp	Chuyên ngành	Năm tốt nghiệp	Cơ sở đào tạo
Kỹ sư	Kỹ Thuật Môi Trường	2016	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội
Kỹ sư	Cấp thoát nước	2025	Trường đại học xây dựng Hà Nội

15. Quá trình công tác (nêu tóm tắt thời gian, nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

(Từ tháng, năm đến tháng, năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 2004 – 2013	Chi nhánh Cấp Nước Thủ Dầu Một – Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương.	Trưởng phòng Kinh Doanh

(Từ tháng, năm đến tháng, năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 11/2013 – 05/2017	Chi nhánh Cấp Nước Khu Liên Hợp.	Phó Giám đốc
Từ tháng 06/2017 – 5/2018	Chi nhánh Cấp nước Thuận An.	Giám đốc
Từ tháng 6/2018 – 03/2022	Chi nhánh Cấp nước Dĩ An	Giám đốc
Từ tháng 3/2022 – 02/2023	Chi nhánh Cấp nước Dĩ An	Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc
Từ tháng 02/2023 đến nay	Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương	Phó Tổng giám đốc

16. Các chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:

17. Số cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận:

+ Đại diện vốn góp sở hữu: ..... cổ phiếu, chiếm ..... % vốn điều lệ.

+ Cá nhân sở hữu: ..... cổ phiếu, chiếm ..... % vốn điều lệ

18. Danh sách người có quan hệ gia đình của người kê khai (vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng):

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CCCD/Hộ chiếu/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số lượng cổ phiếu nắm giữ, tỷ lệ	Mối quan hệ
<b>I</b>	<b>Cá nhân</b>			
1	Nguyễn Thị Bích Liên	074181009790		Vợ
2	Mai Nguyễn Gia Hân	074305006916		Con
3	Mai Nguyễn Phúc Khang	074209002695		Con
4	Mai Minh Hùng	038047009281		Cha ruột
5	Lã Thị Thơm	038148004537		Mẹ ruột
6	Mai Thị Kều Oanh	037177003279		Chị ruột
7	Mai Thị Hồng	070182006339		Em ruột

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CCCD/Hộ chiếu/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số lượng cổ phiếu nắm giữ, tỷ lệ	Mối quan hệ
8	Mai Thiên Hoàng	070086002016		Em ruột
9	Bùi Đức Cảnh	034074008915		Anh rể
10	Nguyễn Thị Kiều Mộng	093193000647		Em dâu
11	Lê Ngọc Hưng	038077013153		Em rể
12	Hồ Thị Bích Thủy	074160001282		Mẹ vợ
<b>II</b>	<b>Tổ chức</b>			
1	Công ty CP-Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương	3700145694		P. TGD
2	Công ty CP Cấp nước Quảng Bình	3100130287		TV HĐQT
3	Công ty CP Cấp nước Cần Thơ 2	1801116600		TV HĐQT
4	Công ty CP Nước BIWASE Cần Thơ	1801423672		CT HĐQT
5	Công ty CP Biwase Quảng Bình	3101091785		CT HĐQT
6	Công ty TNHH MTV Nước BIWASE Bình Phước	3801301847		CT HĐQT
7	Công ty CP Cấp thoát nước Cần Thơ	1800155244		TV BKS

19. Tổng số cổ phần của cổ đông đề cử: 2.350.000 cp chiếm 24,76% vốn điều lệ

20. Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không có

21. Lợi ích liên quan đối với Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (nếu có): Không có

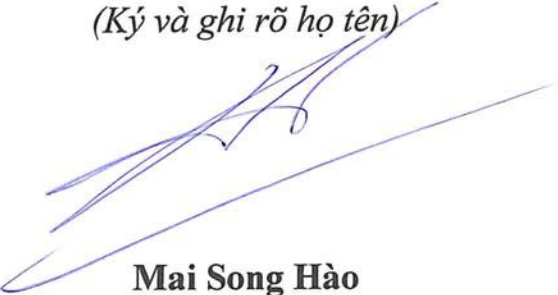
22. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (nếu có): Không có

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đầy đủ, chính xác, đúng sự thật và tôi đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện để trở thành thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ, Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, nhiệm kỳ IV (2024-2029)/.

...TP...HCM...., ngày 26 tháng 6 năm 2026..

**NGƯỜI KÊ KHAI**

(Ký và ghi rõ họ tên)



**Mai Song Hào**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**SƠ YẾU LÝ LỊCH**  
ỨNG VIÊN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN  
NHIỆM KỶ IV (2024-2029)

- Họ và tên (chữ in hoa): **NGUYỄN HUY CƯỜNG**
- Giới tính (nam/nữ): Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 07/09/1984
- Nơi đăng ký khai sinh: Thành phố Hồ Chí Minh
- Số Căn cước/Hộ chiếu: 074084001177 Ngày cấp: 08/08/2024  
Nơi cấp: Bộ Công An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tp Hồ Chí Minh
- Nơi thường trú: Thạnh Lợi, Thuận An, Tp Hồ Chí Minh
- Nơi ở hiện tại: Phú Thọ 5, Thủ Dầu Một, Tp Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên hệ: 0938309579
- Địa chỉ e-mail: huycuong.7979@gmail.com
- Trình độ học vấn: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học

Bằng cấp	Chuyên ngành	Năm tốt nghiệp	Cơ sở đào tạo
Cử nhân	Kế toán	2014	Trường Đại học Bình Dương

15. Quá trình công tác (nêu tóm tắt thời gian, nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

(Từ tháng, năm đến tháng, năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 08/2005 đến tháng 06/2008	Xí Nghiệp Cấp nước Thủ Dầu Một – Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước – Môi trường Bình Dương	Nhân viên
Từ tháng 06/2008 đến tháng 09/2009	Xí Nghiệp Cấp nước Thủ Dầu Một – Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước – Môi trường Bình Dương.	Tổ trưởng Tổ Phát triển khách hàng

(Từ tháng, năm đến tháng, năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 09/2009 đến tháng 07/2014	Chi nhánh Cấp nước Thuận An Xí Nghiệp Cấp nước Thủ Dầu Một – Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước – Môi trường Bình Dương	Quyền Trưởng Chi nhánh
Từ tháng 07/2014 đến tháng 06/2016	Xí Nghiệp Cấp nước Thủ Dầu Một - Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước – Môi trường Bình Dương	Trưởng phòng Kinh doanh
Tháng 06/2016 đến tháng 09/2016	Xí Nghiệp Cấp nước Thủ Dầu Một – Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước – Môi trường Bình Dương	Phó Giám đốc
Từ tháng 10/2016 đến tháng 10/2018	Xí nghiệp Cấp nước Thủ Dầu Một – Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	Phó Giám đốc
Từ tháng 11/2018 đến tháng 04/2021	Chi nhánh Cấp nước Chơn Thành – Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	Phó Giám đốc
Từ tháng 04/2021 đến tháng 12/2024	Chi nhánh Cấp nước Bàu Bàng – Công ty CP – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương	Giám đốc
Từ tháng 12/2024 đến nay	Chi nhánh Cấp nước Thủ Dầu Một – Công ty CP – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương	Giám đốc

16. Các chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:

17. Số cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận đang nắm giữ:

+ Đại diện vốn góp: ..... cổ phiếu, chiếm .....% vốn điều lệ.

+ Cá nhân sở hữu: ..... cổ phiếu, chiếm .....% vốn điều lệ

18. Danh sách người có quan hệ gia đình của người kê khai (*vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng*):

T	Tên cá nhân/tổ chức	Số CCCD/Hộ chiếu/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số lượng cổ phiếu nắm giữ, tỷ lệ	Mối quan hệ
	<b>Cá nhân</b>			
1	Trần Thị Ngọc Ánh	070184000225		Vợ
2	Nguyễn Ngọc Phương Nghi	074310006580		Con

T T	Tên cá nhân/tổ chức	Số CCCD/Hộ chiếu/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số lượng cổ phiếu nắm giữ, tỷ lệ	Mối quan hệ
3	Nguyễn Ngọc Trân Châu	074312008973		Con
4	Nguyễn Văn Lụa	074057000197		Cha ruột
5	Nguyễn Thị Tho	074160000276		Mẹ ruột
6	Nguyễn Thị Mỹ Vân	074187000320		Em ruột
7	Trần Văn Minh	051050006596		Ba vợ
8	Hồ Thị Trí	074159002166		Mẹ vợ
9	Trần Thị Minh Trang	074193002293		Em vợ
	<b>Tổ chức</b>			

19. Tổng số cổ phần của cổ đông/nhóm cổ đông đề cử: 2.350.000 cp chiếm 24,76% vốn điều lệ

20. Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không có

21. Lợi ích liên quan đối với Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (nếu có): Không có

22. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (nếu có): Không có

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đầy đủ, chính xác, đúng sự thật và tôi đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện để trở thành thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ, Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, nhiệm kỳ IV (2024-2029)/.

TP.HCM....., ngày 26 tháng 6 năm 2026

**NGƯỜI KÊ KHAI**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

  
Nguyễn Huy Cường

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP NƯỚC NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**



**DANH SÁCH BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT  
NHIỆM KỲ IV (2024 – 2029)**

*(Kèm theo Tờ trình số 284/TTr-HĐQT ngày 25/5/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận)*

STT	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị công tác	Nơi giới thiệu		Ghi chú
				Cổ đông nhà nước	Cổ đông tổ chức	
1	Nguyễn Chất Phát	Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán	Công ty CP - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương		Công ty CP - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương	
2	Lý Thị Xuân	Phó Trưởng Phòng Tổ chức Hành chính	Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận		Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**SƠ YẾU LÝ LỊCH**  
ỨNG VIÊN THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN  
NHIỆM KỶ IV (2024-2029)

- Họ và tên (chữ in hoa): NGUYỄN CHẤT PHÁT
- Giới tính (nam/nữ): Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 06/02/1989
- Nơi sinh: Đồng Nai
- Số CCCD/Hộ chiếu: 070089002864 Ngày cấp: 19/04/2021
- Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tp. HCM
- Nơi thường trú: thôn Minh Hưng, xã Bù Đăng, tỉnh Đồng Nai
- Nơi ở hiện tại: Số nhà 211/40 Huỳnh Văn Lũy, Kp. Phú Lợi 6, P. Phú Lợi, Tp. HCM
- Số điện thoại liên hệ: 0933562122
- Địa chỉ e-mail: Phatnguyen.hr@gmail.com
- Trình độ học vấn: 12/12
- Trình độ chuyên môn:

Bằng cấp	Chuyên ngành	Năm tốt nghiệp	Cơ sở đào tạo
Cử nhân	QTKD	2011	Trường đại học Kinh tế Tp. HCM
Thạc sĩ	Tài chính – Ngân hàng	2018	Trường đại học Kinh tế Tp. HCM

15. Quá trình công tác (nêu tóm tắt thời gian, nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

(Từ tháng, năm đến tháng, năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 12/2011 – 06/2012	Công Ty CP Thực Phẩm Dinh Dưỡng NUTIFOOD	Giám sát bán hàng tập sự

(Từ tháng, năm đến tháng, năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 11/2014 – 09/2015	Công ty TNHH Ichihiro Việt Nam	Cửa hàng trưởng
Từ tháng 10/2015 – 05/2018	Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – CN Dĩ An – Bình Dương	Chuyên viên QLKH
Từ tháng 06/2018 – Nay	Công ty CP – Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương	Chuyên viên P. Tài chính Kế toán

16. Các chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không có

17. Số cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận đang nắm giữ chốt đến ngày 25/3/2026:

+ Đại diện vốn góp (tên tổ chức) ....., sở hữu: .....cổ phiếu, chiếm ..... % vốn điều lệ.

+ Cá nhân sở hữu:..... cổ phiếu, chiếm..... % vốn điều lệ

18. Danh sách người có quan hệ gia đình của người kê khai (vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng):

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CCCD/Hộ chiếu/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số lượng cổ phiếu nắm giữ, tỷ lệ	Mối quan hệ
	<b>Cá nhân</b>			
1	Huỳnh Thị Ngọc Tú	070189003204	0	Vợ
2	Nguyễn Hùng Anh	070215006843	0	Con ruột
3	Nguyễn Hoàng Đăng	070221004876	0	Con ruột
4	Nguyễn Hùng Dũng	074055001006	0	Cha ruột
5	Trần Thị Hiệp	070157001177	0	Mẹ ruột
6	Huỳnh Văn Thi	048050002584	0	Bố vợ
7	Đặng Thị Tuyết Mai	049152003125	0	Mẹ vợ
8	Nguyễn Thị Thanh Phương	070181006630	0	Chị ruột
9	Nguyễn Thị Phương Dung	070183003784	0	Chị ruột
10	Hồ Kim Dác	052073018361	0	Anh rể
11	Nguyễn Dương Vinh	077077007270	0	Anh rể
12	Huỳnh Thị Ngọc Dung	048177000176	0	Chị ruột của vợ
13	Huỳnh Thị Ngọc Toàn	048180000433	0	Chị ruột của vợ
14	Huỳnh Ngọc Tuấn	070082005138	0	Anh ruột của vợ
	<b>Tổ chức</b>			

19. Tổng số cổ phần của cổ đông/nhóm cổ đông đề cử: .....
20. Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có):
21. Lợi ích liên quan đối với Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (nếu có):
22. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (nếu có):

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đầy đủ, chính xác, đúng sự thật và tôi đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện để trở thành thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ, Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử bổ sung Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, nhiệm kỳ IV (2024-2029)./.

...TP.HCM..., ngày 26 tháng 6 năm 2026

**NGƯỜI KÊ KHAI**

(Ký và ghi rõ họ tên)



**Nguyễn Chất Phát**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**SƠ YẾU LÝ LỊCH**  
ỨNG VIÊN THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN  
NHIỆM KỲ IV (2024-2029)

- Họ và tên (chữ in hoa): LÝ THỊ XUÂN
- Giới tính (nam/nữ): Nữ
- Ngày, tháng, năm sinh: 13/03/1979
- Nơi sinh: Phường Phan Rang
- Số CCCD/Hộ chiếu: 058179006885 Ngày cấp: 27/6/2021  
Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Nam Phước, thành phố Đà Nẵng.
- Nơi thường trú: Tổ dân phố 16, phường Phan Rang, tỉnh Khánh Hòa.
- Nơi ở hiện tại: 14 Cao Bá Quát, phường Phan Rang, tỉnh Khánh Hòa
- Số điện thoại liên hệ: 094.2077338
- Địa chỉ e-mail: xuancnt@gmail.com
- Trình độ học vấn: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

Bằng cấp	Chuyên ngành	Năm tốt nghiệp	Cơ sở đào tạo
Đại học	Kế toán	2016	Đại học Nha Trang

15. Quá trình công tác (nêu tóm tắt thời gian, nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

(Từ tháng, năm đến tháng, năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
+ Từ 08/2005 đến tháng 08/2012	Công ty CP cấp Nước Ninh Thuận	Nhân viên ghi thu tiền nước
+ Từ 09/2012 đến tháng 08/2016	Công ty CP cấp Nước Ninh Thuận	Nhân viên nhập chỉ số đồng hồ nước

+ Từ 09/2016 đến tháng 05/2020	Công ty CP cấp Nước Ninh Thuận	Tổ trưởng Tổ giao dịch Phan Rang
+ Từ 05/2020 đến tháng 03/2026	Công ty CP cấp Nước Ninh Thuận	Phó phòng kinh doanh
+ Từ 04/2026 đến nay	Công ty CP cấp Nước Ninh Thuận	Phó phòng TC-HC

16. Các chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:

17. Số cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận đang nắm giữ chốt đến ngày 25/3/2026: 0 cổ phiếu

+ Đại diện vốn góp (tên tổ chức) không, sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.

+ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

18. Danh sách người có quan hệ gia đình của người kê khai (vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng):

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CCCD/Hộ chiếu/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số lượng cổ phiếu nắm giữ, tỷ lệ	Mối quan hệ
01	Huỳnh Thị Hiệp	052145000137	0	Mẹ ruột
02	Lý Hữu Bình	058066000766	0	Anh trai
03	Lý Hữu Điệp	058073005280	0	Anh trai
04	Lý Hữu Ánh	058077003390	0	Anh trai
05	Lý Thị Bông	058167000652	0	Chị gái
06	Lý Thị Kim Phượng	049168012379	0	Chị gái
07	Lý Thị Kim Loan	058169005520	0	Chị gái
08	Lý Thị Kim Cúc	058170000180	0	Chị gái
09	Lê Vũ Bình	031062008002	0	Anh rể
10	Phạm Hùng	049065011480	0	Anh rể
11	Đặng Ngọc An	058070006587	0	Anh rể
12	Hàng Hùng Thọ	058067005581	0	Anh rể
13	Nguyễn Thị Ngọc Nga	058176001187	0	Chị dâu
14	Nguyễn Thị Mai	058173003702	0	Chị dâu
15	Huỳnh Thị Liên	060187009616	0	Chị dâu

19. Tổng số cổ phần của cổ đông/nhóm cổ đông đề cử: .....
20. Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có):
21. Lợi ích liên quan đối với Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (nếu có):
22. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (nếu có):

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đầy đủ, chính xác, đúng sự thật và tôi đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện để trở thành Thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ, Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, nhiệm kỳ IV (2024-2029)/.

Khánh hòa, ngày 26 tháng 06 năm 2026

**NGƯỜI KÊ KHAI**

(Ký và ghi rõ họ tên)



The image shows a handwritten signature in blue ink. The signature is stylized and appears to be 'Trần Văn Xuân'. There are two horizontal lines drawn across the signature, one above and one below, which are also drawn in blue ink.